*Phụ lục 2*

**DANH MỤC CÁC TÊN GỌI BỔ SUNG VÀO ĐỀ ÁN “NGÂN HÀNG DỮ LIỆU PHỤC VỤ VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG”**

**- Tổng số: 266**

+ Tên địa danh nổi tiếng: 56

+ Mục từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội: 01

+ Tên di tích quốc gia tiêu biểu: 03

+ Tên di tích cấp tỉnh và công trình tôn giáo, tín ngưỡng tiêu biểu: 06

+ Tên phong trào cách mạng, sự kiện, mốc thời gian gắn với lịch sử, văn hóa của đất nước: 16

+ Tên phong trào cách mạng, sự kiện, mốc thời gian gắn với lịch sử, văn hóa của địa phương: 05

+ Tên danh nhân đất nước: 147

+ Danh nhân Bắc Giang: 24

+ Danh thần nổi tiếng: 08

**1. Tên địa danh nổi tiếng của đất nước (số lượng: 05)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| 1 | *Bạch Đằng* | Là tên con sông chảy giữa thị xã Quảng Yên (tỉnh Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng). Sông Bạch Đằng nổi tiếng với 3 chiến công hiển hách chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam: Năm 938, trận thủy chiến của Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán; năm 981, trận thủy chiến của Lê Đại Hành đánh thắng quân Tống; năm 1288, trận thủy chiến của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đánh tan quân xâm lược Nguyên - Mông. |
| 2 | *Điện Biên Phủ* | Địa danh thuộc thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, nơi ghi dấu trận đánh quyết định của quân dân ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của giặc Pháp kéo dài 55 ngày đêm (từ ngày 13/3 đến ngày 7/5/1954), giành chiến thắng lịch sử, lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu; kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến của dân tộc ta chống lại thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng này đã buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hoà bình ở Đông Dương (20/7/1954), mốc mở đường cho sự nghiệp giành độc lập của các nước thuộc địa. |
| 3 | *Hoàng Sa* | Là quần đảo thuộc huyện Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng, gồm hơn 20 hòn đảo san hô lớn nhỏ, trải trên một vùng biển khoảng 15 nghìn km2. Thời Nguyễn, Hoàng Sa thuộc huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, xứ Quảng Nam. Ngày 30/3/1938, dụ của vua Bảo Đại sáp nhập vào tỉnh Thừa Thiên. Ngày 09/12/1982, Chính phủ nước CHXHCNVN thành lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, đến năm 1996, thuộc thành phố Đà Nẵng. Cùng với đảo Trường Sa, Hoàng Sa là vùng biển đảo có vị trí chiến lược rất quan trọng trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. |
| 4 | *Trường Sa* | Là huyện đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa, cách vịnh Cam Ranh khoảng 250 hải lý về phía Đông. Quần đảo được hợp thành khoảng trên 100 đảo đá và bãi cạn cấu tạo bởi san hô và vụn san hô. Thời Nguyễn đã đặt Đội Hoàng Sa và Trường Sa. Bản đồ Việt Nam nhà Nguyễn 1834, ghi tên quần đảo là Vạn Lý Trường Sa. Ngày 21/2/1933, Thống đốc Nam Kỳ Krôt ây mê (J. K rautheimer) kí Nghị định số 4762 sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Ngày 09/12/1982, Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sáp nhập Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa). Cùng với đảo Hoàng Sa, Trường Sa là vùng biển đảo có vị trí chiến lược rất quan trọng trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. |
| 5 | *Tây Ninh* | Là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Bắc Giang, thuộc vùng Đông Nam Bộ, ở vị trí cầu nối giữa [thành phố Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) và thủ đô [Phnôm Pênh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phn%C3%B4m_P%C3%AAnh) (vương quốc [Campuchia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia)) và là một trong những tỉnh nằm trong [vùng kinh tế trọng điểm phía Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B9ng_kinh_t%E1%BA%BF_tr%E1%BB%8Dng_%C4%91i%E1%BB%83m_ph%C3%ADa_Nam). Tỉnh Tây Ninh được xem là một trong những cửa ngõ giao lưu về quốc tế quan trọng giữa Việt Nam với Campuchia, Thái Lan. Đồng thời, có vị trí quan trọng trong mối giao lưu trao đổi hàng hoá giữa các tỉnh [vùng kinh tế trọng điểm phía Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B9ng_kinh_t%E1%BA%BF_tr%E1%BB%8Dng_%C4%91i%E1%BB%83m_ph%C3%ADa_Nam) và các tỉnh thuộc vùng [đồng bằng sông Cửu Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long). |

***2.* Tên địa danh nổi tiếng của tỉnh (51)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| stt | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| 6 | *Kinh Bắc* | Là tên một địa danh cũ ở phía Bắc Việt Nam, bao gồm ranh giới 2 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và và một phần nhỏ [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), [Hưng Yên](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn), [Lạng Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1ng_S%C6%A1n) ngày nay. Đây là vùng đất đậm đặc những di tích gắn với nhiều huyền thoại lịch sử, nơi khai mở nền văn minh Đại Việt. Kinh Bắc cũng là nơi có nhiều lễ hội dân gian nhất cả nước và cũng là quê hương của những làn điệu dân ca Quan họ đã được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại năm 2009. |
| 7 | *Vũ Ninh* | Tên địa danh cổ. Thời vua Hùng dựng nước Văn Lang, Bắc Giang thuộc bộ Vũ Ninh của nhà nước Văn Lang. |
| 8 | *Thiên Phúc* | Tên địa danh cổ. Dưới đời vua Minh Mạng (1821), Bắc Giang thuộc phủ Thiên Phúc. |
| 9 | *Nguyệt Đức* | Sông Nguyệt Đức còn gọi là sông Như Nguyệt, sông Thị Cầu, sông Cầu, bắt nguồn từ huyện [Chợ Đồn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A3_%C4%90%E1%BB%93n), tỉnh [Bắc Kạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_K%E1%BA%A1n), chảy qua địa phận hai huyện [Việt Yên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Y%C3%AAn), tỉnh [Bắc Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Giang) và [Yên Phong](https://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_Phong), tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) rồi hợp lưu với [sông Thương](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_Th%C6%B0%C6%A1ng) tại ngã ba Lác để tạo thành [sông Thái Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_Th%C3%A1i_B%C3%ACnh). Đây là con sông quan trọng nhất trong [hệ thống sông Thái Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_s%C3%B4ng_Th%C3%A1i_B%C3%ACnh), có vị trí địa lý đặc biệt, đa dạng và phong phú về tài nguyên cũng như lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh nằm trong lưu vực của nó. Năm [1077](https://vi.wikipedia.org/wiki/1077) trên sông Như Nguyệt, quân đội [nhà Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD) do [Lý Thường Kiệt](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C6%B0%E1%BB%9Dng_Ki%E1%BB%87t) chỉ huy đã đánh bại quân xâm lược của [nhà Tống](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%E1%BB%91ng). Phần sông Cầu đoạn chảy qua ranh giới 2 tỉnh [Bắc Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Giang) và [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) tập trung hầu hết các làng Quan họ của vùng quê Kinh Bắc. Do đó mà sông Cầu được gọi là *dòng sông Quan họ* trong thơ ca. |
| 10 | *Na Ngạn* | Tên một huyện dưới thời Lý-Trần (thế kỷ XI-XIV) thuộc lộ Bắc Giang (địa giới thuộc huyện Lục Nam, Lục Ngạn và một phần huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ngày nay). Xưa Na Ngạn là châu mục, vùng giáp ranh biên giới phía Bắc có vị trí đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc gia. Vì vậy, các vị vua nhà Lý đã có chủ trương gả công chúa cho các tù trưởng (hay còn gọi là châu mục) nơi đây để thể hiện sự ưu ái, coi trọng của triều đình cũng như cho thấy vai trò quan trọng của vùng đất biên cương này đối với đất nước. Đến cuối thời Trần, huyện Na Ngạn được chia thành 2 huyện Lục Na và Na Ngạn một thời gian, rồi lại được sáp nhập thành huyện Lục Na.  |
| 11 | *Phượng Nhỡn* | Tên một huyện dưới thời Hậu Lê (thế kỷ XV-XVIII) thuộc phủ Lạng Giang gồm 62 xã (phần đất tương ứng của huyện Phượng Nhỡn khi ấy là một phần huyện Yên Dũng, Lục Nam ngày nay). Đây là một vùng đất cổ có vẻ đẹp sơn thủy hữu tình, là nơi hợp lưu của 6 dòng sông lớn (Lục đầu giang), nơi viết nên nhiều truyền tích về chống giặc ngoại xâm nức danh sử sách. Phượng Nhỡn còn là vùng đất nổi tiếng về truyền thống khoa bảng với 6 vị tiến sỹ được lưu danh trong văn bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám. |
| 12 | *Hà Bắc* | Tên gọi của tỉnh (tỉnh Hà Bắc) - được thành lập theo Nghị quyết của Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ 5 ngày 27/10/1962, trên cơ sở hợp nhất tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Bắc Giang, gồm 02 thị xã và 14 huyện (lỵ sở đặt tại thị xã Bắc Giang). Đơn vị hành chính tỉnh Hà Bắc tồn tại 34 năm. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc tách tỉnh Hà Bắc và tái lập 2 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh. |
| **Thành phố Bắc Giang** |
| 13 | *Chi Ly* | Là tên gọi của bến sông, còn gọi là bến Chia Ly, nằm ở phía Bắc làng Thương (Thọ Xương) xưa; nay ở phía thượng lưu cầu sông Thương, thuộc phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang. Khi cầu Sông Thương chưa được xây dựng thì đây là bến sông đi lại kết nối hai bờ nam bắc. Cách lý giải phổ biến nhất cho rằng sông Thương xưa là phên dậu phía Bắc của kinh thành Thăng Long, bến sông là điểm dừng chân cuối cùng của vợ con, người thân tiễn đưa chồng, cha, người trong gia đình, làng xóm đi trấn miền biên ải phía bắc, nên sông ấy đặt tên là sông Thương và bến đò đưa tiễn đó gọi là bến Chia Ly (trong dân gian còn gọi là Chi Ly). |
| 14 | *Dĩnh Kế* | Tên một tổng thuộc huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. Sau cách mạng tháng Tám, tổng Dĩnh Kế trở thành liên xã Dĩnh Kế thuộc huyện Lạng Giang. Đến năm 1985, xã Dĩnh Kế thuộc thị xã Bắc Giang. Nay là phường Dĩnh Kế thuộc thành phố Bắc Giang. Đây là vùng đất lịch sử có nhiều dấu tích cổ, nhiều di tích lịch sử, văn hóa và danh nhân, tiêu biểu là Trạng nguyên Giáp Hải. |
| 15 | *Hà Vị* | Tên một xã thuộc huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc dưới thời Nguyễn đầu thế kỷ XIX. Đến đầu thế kỷ XX, xã Hà Vị thuộc huyện Phất Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, xã Hà Vị thuộc tổng Thọ Xương, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày nay, vùng đất này thuộc phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.  |
| 16 | *Mỹ Cầu* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Đầu thế kỷ XX thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đất tổng Mỹ Cầu nay thuộc thành phố Bắc Giang, gồm các xã Song Khê, Tân Mỹ và phường Mỹ Độ. |
| 17 | *Làng Thương* | Là tên một làng, ở đầu thời Nguyễn thuộc tổng Thọ Xương, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, trấn Kinh Bắc. Làng nằm kề sông Thương và con đường cái quan dẫn từ biên giới đến Thăng Long. Năm 1895, tỉnh Bắc Giang được thành lập, làng Thương thuộc thị xã Phủ Lạng Thương *(ghép tên phủ Lạng Giang với làng Thương)* và trở thành một trong những tuyến phố buôn bán sầm uất nhất thời bấy giờ. Từ sau cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, thị xã Phủ Lạng Thương đã trải qua nhiều biến đổi về tên gọi và địa giới hành chính *(địa giới hành chính của làng Thương xưa hiện nay là một phần đất của phường Trần Phú và phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang)*. |
| **Huyện Hiệp Hòa** |
| 18 | *Cẩm Bào* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX, tổng Cẩm Bào thuộc huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc gồm 7 xã: Cẩm Bào, Trung Trật, Cẩm Xuyên, Cẩm Hoàng, Xuân Biều, Trung Định, Mai Phong. Đầu thế kỷ XX, Cẩm Bào thuộc huyện Hiệp Hòa, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước cách mạng tháng Tám tổng này thuộc huyện Hiệp Hòa. Đất tổng Cẩm Bào gồm các xã Xuân Cẩm, Mai Trung, huyện Hiệp Hòa ngày nay. |
| 19 | *Hoàng An* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Trước cách mạng tháng Tám xã Hoàng An gồm 2 xã Hoàng Liên và An Cập thuộc tổng Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, sau đổi thành xã Tiền Tiến. Năm 1953, đổi thành xã Hoàng An, huyện Hiệp Hòa. Năm 2012, Hoàng An được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 20 | *Hoàng Vân* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Hoàng Vân là cái nôi của phong trào cách mạng ở Hiệp Hòa. Nơi đây đã từng nuôi giấu, che chở nhiều lãnh đạo cấp cao của Đảng như đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thái, Trần Quốc Hoàn, Võ Nguyên Giáp, Hà Thị Quế…về hoạt động cách mạng. Cũng chính tại nơi đây đã thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Hiệp Hòa. Năm 1999, xã Hoàng Vân đã vinh dự được đón nhận danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Năm 2012, Hoàng Vân được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 21 | *Hương Lâm* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Trước Cách mạng tháng Tám, xã Hương Lâm gồm 6 xã thuộc tổng Mai Đình, huyện Hiệp Hòa: Hương Câu, Đông Lâm, Hạc Lâm, Phú Linh, Nga Trại, Tiên Sơn. Sau cách mạng tháng Tám, đặt tên xã là Hương Lâm (ghép tên 2 thôn lớn nhất là Hương Câu và Đông Lâm vào thành tên xã). Năm 2012, Hương Lâm được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 22 | *Mai Đình* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Trước Cách mạng tháng Tám, xã Mai Đình thuộc tổng Mai Đình, huyện Hiệp Hòa. Xã này gồm 2 xã Mai Đình và Giáp Nhất hợp thành, gồm 4 thôn Giáp Nhất, Giáp Ba, Sơn, Nguyên Xá. Phần đất tương ứng với xã Mai Đình cũ nay thuộc xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa. Năm 2012, Mai Đình được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 23 | *Thái Sơn* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Trước Cách mạng tháng Tám, xã Thái Sơn thuộc tổng Quế Trạo, huyện Hiệp Hòa; gồm các xã : Đồng Tân, Mai Sơn, Phẩm Trật, Quế Sơn, Thái Thọ, Phù Cốc, Thù Sơn. Xã Thái Sơn ngày nay bao gồm phần đất của các xã cũ: Quế Sơn, Đồng Tân, Thái Thọ. Năm 2012, Thái Sơn được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 24 | *Xuân Cẩm* | Tên xã thuộc An toàn khu II, huyện Hiệp Hòa. Đầu thế kỷ XIX đến trước 1945, xã Xuân Cẩm thuộc tổng Cẩm Bào, huyện Hiệp Hòa, gồm các xã: Cẩm Bào, Xuân Biểu, Mai Phong, Trung Định, Trung Trật, Cẩm Xuyên, Cẩm Hoàng. Sau Cách mạng tháng Tám, 6 xã cũ hợp thành xã Trung Nghĩa. Từ 1954, xã Trung Nghĩa chia làm đôi, 2/3 xã Xuân Biều, 2/3 xã Cẩm Bào, xã Trung Định, xã Cẩm Xuyên, xã Cẩm Hoàng cũ thuộc về xã Xuân Cẩm. Năm 2012, Xuân Cẩm được công nhận là một trong 16 xã của huyện Hiệp Hòa thuộc An toàn khu II (ATK II) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| **Huyện Lạng Giang** |
| 25 | *Cần Trạm* | Địa danh thuộc xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, là cứ điểm quân sự quan trọng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược (1418-1427) do Lê Lợi lãnh đạo, nơi ghi dấu chiến công Cần Trạm- Phố Cát. Tại đây, ngày 25 tháng 9 năm Đinh Mùi -1427, quân và dân ta làm nên chiến thắng Cần Trạm vang dội. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trên một trận địa dài gần 5 km, suốt từ cánh đồng phía đông bắc thành Cần Trạm đến phía Nam thị trấn Kép ngày nay. Lê Quý Đôn đã miêu tả từng đội phục binh của ta do các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Nguyễn Đình Lý, Lê Văn An chỉ huy như những mũi tên nhằm thẳng quân thù xông tới, tiêu diệt hết lớp này đến lớp khác, tiêu diệt gần 2 vạn tên, phó tổng binh Lương Minh vừa thay Liễu Thăng chỉ huy bị chết tại trận. Cùng với thắng lợi ở Xương Giang - Chi Lăng, chiến công Cần Trạm - Phố Cát đã đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Minh, đất nước được giải phóng.  |
| 26 | *Phố Cát* | Địa danh thuộc huyện Lạng Giang. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược (1418-1427), quân và dân ta làm nên chiến thắng Phố Cát ngày 28 tháng 9 năm Đinh Mùi -1427 oanh liệt.Sau thất bại Cần Trạm, những viên tướng địch còn lại cố sức tập hợp binh sĩ thúc quân tiến về Xương Giang. Ngày 18-10 (ngày 28 tháng 9 năm Đinh Mùi), quân địch tiến đến Phố Cát. Nghĩa quân phục sẵn ở các chân đồi chờ địch. Vừa lúc chúng đến, quân ta xông ra chặn đánh, tiêu diệt hơn 3 vạn quân địch, Thượng thư Lý Khánh khiếp sợ phải thắt cổ tự tử. Chiến thắng Cần Trạm, Phố Cát cùng với chiến thắng Chi Lăng đã từng bước tiêu diệt viện binh của quân Minh đang hăng hái tiến vào Xương Giang, Đông Quan. Trận chiến thắng đã thể hiện sự mưu trí trong chiến lược “Vây thành diệt viện” của nghĩa quân Lam Sơn. |
| **Huyện Lục Nam** |
| 27 |  *Đèo Bụt* | Tên đèo nằm trên trục đường tỉnh lộ 293 (đường Tây Yên Tử). Đèo Bụt là ranh giới giữa hai huyện Lục Nam và Lục Ngạn (một bên là xã Lục Sơn, huyện Lục Nam, bên kia là thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động). Địa danh Đèo Bụt gắn với nhiều truyền tích về con đường Hoằng dương Phật pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông thế kỷ XIII-đệ Nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, nên trở thành một địa danh rất nổi tiếng gắn với các câu chuyện lịch sử về Thiền phái Trúc Lâm mang đậm bản sắc dân tộc Việt. |
| 28 | *Huyền Đinh* | Là dãy núi thuộc cánh cung Đông Triều, đoạn chạy từ khu vực xã Nghĩa Phương đến xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Với độ cao trung bình trên dưới 600m, địa hình hiểm trở, kỳ thú, nhiều công trình kiến trúc chùa tháp cổ có quy mô bề thế ở vùng núi Huyền Đinh do các Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử xây dựng vào thế kỷ XIII-XIV. Tuy nhiên, do thời gian và những biến cố của lịch sử dân tộc, nhiều ngôi chùa cổ trong số này đã bị hoang phế, đổ nát chỉ còn lại nền móng kiến trúc. Dãy Huyền Đinh còn có hai thắng tích nổi tiếng là thắng tích Suối Mỡ (xã Nghĩa Phương) và suối Vực Rêu (xã Cẩm Lý). |
| 29 | *Sông Lục* | Còn gọi là sông Lục Nam, sông Minh Đức, bắt nguồn từ Lạng Sơn chảy qua địa phận xã An Lập, huyện Sơn Động đến huyện Lục Ngạn, Lục Nam và kết thúc tại ngã ba Phượng Nhãn, huyện Yên Dũng. Đây là một trong 3 con sông lớn nhất của tỉnh Bắc Giang, là huyết mạch của vùng Đông Bắc xưa. Thời Trần, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã chọn lưu vực sông Lục Nam để xây phòng tuyến chống quân xâm lược Nguyên - Mông (thế kỷ XIII). Đến thời Lê-Mạc, lũy thành nhà Mạc được xây đắp khắp trong thung lũng sông Lục. Dọc đôi bờ sông Lục, rất nhiều di tích, danh thắng đan xen và lễ hội truyền giống giàu bản sắc tạo nên cả một hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng.  |
| 30 | *Mai Sưu* | Đầu thế kỷ XIX, vùng đất này có tên gọi là Mai Sao thuộc tổng Vô Tranh, huyện Lục Ngạn, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Đầu thế kỷ XX, Mai Sao được đổi thành Mai Sưu, là 1 trong 5 xã thuộc tổng Vô Tranh, huyện Lục Ngạn, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Vùng đất này tương ứng với xã Trường Sơn, huyện Lục Nam ngày nay. Mai Sưu nổi tiếng với chợ Mai Sưu-trung tâm buôn bán xuất hiện sớm nhất ở khu vực vùng cao, nơi giao lưu hàng hóa giữa 2 miền xuôi ngược. Mai Sưu còn là nơi có địa hình hiểm trở, được lựa chọn làm nơi thành lập Trung đoàn 568, đơn vị làm nhiệm vụ huấn luyện và trực tiếp đưa quân vào chiến trường chi viện cho mặt trận miền Nam. Trung tâm huấn luyện quân Mai Sưu đã trở thành biểu tượng cho tinh thần đoàn kết, ý chí quật cường của dân tộc chống lại kẻ thủ xâm lược. Vì vậy, các di tích: Thao trường Cầu Dày (xã Vô Tranh), Thao trường Quân y (xã Lục Sơn), Đồi Hòn Miếu (xã Bình Sơn) thuộc Trung tâm huấn luyện quân Mai Sưu đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh, nhằm ghi nhận địa điểm, sự kiện lịch sử đặc biệt này, tôn vinh các thế hệ cha ông và giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước cho các thế hệ hôm nay và mai sau. |
| 31 | *Phật Sơn* | Dãy núi thuộc cánh rừng nguyên sinh Tây Yên Tử, nằm trong cánh cung Đông Triều, chạy theo hướng Đông Nam-Tây Bắc. Núi có hình giống đức Phật Thích Ca nằm ở tư thế nhập niết bàn, đầu quay về phía Tây. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, rừng núi Phật Sơn là nơi hoạt động của nhiều đơn vị bộ đội như: Trung đoàn 98, tiểu đoàn Độc Lập, Sư đoàn 330 thuộc quân khu Tả Ngạn. Vì thế, Phật Sơn-Núi Phật là tên địa danh mang ý nghĩa sâu sắc, đã đi vào tiềm thức, tình cảm của các thế hệ. |
| 32 |  *Tứ Sơn* | Là tên gọi chung của 4 xã miền núi thuộc huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang gồm: Lục Sơn, Trường Sơn, Bình Sơn và Vô Tranh (thời kháng chiến có tên gọi Bắc Sơn). Trong những năm kháng chiến chống Pháp, địa hình hiểm trở chủ yếu là núi rừng nơi đây đã nuôi giấu, che chở đồng bào từ các nơi về đây tản cư. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, vùng đất Tứ Sơn là nơi tập trung nhiều đơn vị quân chủ lực và các cơ quan, xí nghiệp, trường học sơ tán về đây, thực hiện khẩu hiệu vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Ngày nay, vùng đất Tứ Sơn ngày càng thay da đổi thịt, không ngừng phát triển, xứng đáng với truyền thống và đi lên cùng quê hương, đất nước. |
| **Huyện Lục Ngạn** |
| 33 | *Cấm Sơn* | Trước Cách mạng tháng Tám thuộc tổng Cấm Sơn, châu Sơn Động. Ngày nay, Cấm Sơn là một trong 12 xã vùng cao của huyện Lục Ngạn. Cấm Sơn có đội du kích nổi tiếng được thành lập năm 1947. Năm 1949, đội du kích lập được nhiều chiến công vang dội, đánh bật được nhiều cuộc càn quét của thực dân Pháp và bọn phỉ phản động. Trong kháng chiến chống Mỹ, Cấm Sơn là một trong những đơn vị điển hình của huyện Lục Ngạn về tinh thần chiến đấu và bắt giặc lái Mỹ dưới làn bom đạn ác liệt của kẻ thù. Trong xã có hồ Cấm Sơn nổi tiếng, với diện tích 2,6 nghìn ha. Năm 1972, nhạc sĩ [Phó Đức Phương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B3_%C4%90%E1%BB%A9c_Ph%C6%B0%C6%A1ng) sáng tác nhạc cho một bộ phim tài liệu nhan đề "Sông nước quê hương". Bài hát "Vịnh cảnh hồ Cấm Sơn" được lồng vào phần âm nhạc của bộ phim tài liệu trên. Sau đó, tác giả cho giới thiệu bài hát của mình với tên mới: "[Hồ trên núi](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%93_tr%C3%AAn_n%C3%BAi&action=edit&redlink=1)”. Hồ Cấm Sơn hiện nay có tiềm năng rất lớn trong phát triển du lịch sinh thái, đang được khai thác, phát huy với các loại hình du lịch: trải nghiệm cộng đồng, nghỉ dưỡng, thể thao leo núi, bơi thuyền trong phát triển du lịch của huyện Lục Ngạn. |
| 34 | *Cầu Từ* | Di chỉ khảo cổ học thuộc thôn Cầu Từ, thuộc xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn. Di chỉ khảo cổ học Cầu Từ được khai quật năm 2007. Kết quả khai quật khảo cổ tuy mới chỉ là bước đầu nhưng đã cho thấy đây là một khu di chỉ khảo cổ học thời Lý - Trần trải trên diện tích rộng, có giá trị nghiên cứu lịch sử-văn hóa.  |
| 35 | *Khuôn Thần* | Là tên hồ, thuộc xã Kiên Lao huyện Lục Ngạn. Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, để có nguồn nước ổn định cung cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu phục vụ cho nông nghiệp của huyện Lục Ngạn và vùng lân cận, tỉnh đã lập dự án đắp một con đập dựa trên thế các dãy núi nối tiếp, đan xen nhau, ngăn dòng chảy tạo nên một hồ chứa nước rộng lớn, ngày ấy hồ được gọi tên là “Đập Khuôn Thần”. Sau này, để khai thác phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế-xã hội, đập Khuôn Thần được gọi tên là hồ Khuôn Thần. Hồ Khuôn Thần là một trong những điểm du lịch sinh thái nổi tiếng của tỉnh Bắc Giang, phù hợp với các loại hình du lịch: trải nghiệm cộng đồng, nghỉ dưỡng, thể thao leo núi, bơi thuyền. |
| **Huyện Sơn Động** |
| 36 | *Đồng Cao* | Là cao nguyên nổi tiếng thuộc huyện Sơn Động, có độ cao khoảng 1000m so với mực nước biển. Nét đẹp rất riêng ở đây là những đồi cỏ xanh mướt, trải dài như một miền thảo nguyên rộng lớn, điểm xuyến những bãi đá muôn hình, muôn vẻ. Đồng Cao còn được mệnh danh là “ngôi nhà của gió”, bao quanh là cảnh núi non trùng điệp, quanh năm mây trắng lượn bay. Trên đỉnh non cao này có một hang nhỏ, gọi là “Hang Vua”, gắn với những huyền tích kỳ bí. Dưới chân là nơi cư trú của một bản nhỏ người Dao, còn lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống. Đồng Cao là điểm du lịch sinh thái hấp dẫn, có nhiều tiềm năng phát triển của huyện Sơn Động nói riêng, tỉnh Bắc Giang nói chung; hiện đang được khai thác, phát huy trong phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. |
| 37 | *Tây Yên Tử* | Tây Yên Tử là vùng đất nằm ở sườn Tây dãy núi Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang (trải dài từ huyện [Sơn Động](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_%C4%90%E1%BB%99ng) đến [huyện Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Dũng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_D%C5%A9ng)). Nơi đây có hệ thống các chùa tháp, di tích gắn với sự hình thành và phát triển của Thiền phái [Trúc Lâm Yên Tử](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_L%C3%A2m_Y%C3%AAn_T%E1%BB%AD) thời Trần (thế kỷ XIII-XIV). Cùng với hệ thống di tích lịch sử-văn hóa, ở đây còn có nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp như: Thác Ba Tia, Khe Rỗ, suối Nước Vàng, thắng tích Suối Mỡ. Hiện nay, tại xã Tuấn Mậu cũ, nay là thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động đã xây dựng Khu Du lịch tâm linh – sinh thái Tây Yên Tử để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, trở thành khu du lịch trọng điểm của tỉnh. |
| 38 | *Tuấn Mậu* |  Tên xã thuộc huyện Sơn Động, được thành lập năm 2008, gồm 7 thôn bản, sinh sống dưới chân núi Yên Tử, trong đó 68% là dân tộc Dao, hiện còn bảo lưu được nhiều nét văn hóa truyền thống tốt đẹp. Tuấn Mậu là vùng đất nổi tiếng trong lịch sử gắn với con đường Hoằng dương Phật pháp của Phật hoàng Trần Nhân Tông thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thế kỷ XIII, với nhiều dấu tích địa danh ấn tượng lại như: Đèo Bụt, núi Phật Sơn, suối Giải Oan…Khu du lịch tậm linh-sinh thái Tây Yên Tử được xây dựng tại xã Tuấn Mậu trở thành khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Năm 2019, xã Tuấn Mậu sáp nhập vào thị trấn Thanh Sơn đổi thành thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động. Tuy nhiên, tên địa danh Tuấn Mậu vẫn còn in đậm dấu ấn trong tâm thức của người dân nơi đây, cũng như du khách thập phương về vùng đất này. |
| **Huyện Tân Yên** |
| 39 | *Bảo Lộc Sơn* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX, tổng Bảo Lộc Sơn thuộc huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Đầu thế kỷ XX thuộc huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước 1945, tổng Bảo Lộc Sơn thuộc huyện Yên Thế, gồm 4 xã: Bảo Lộc Sơn, Chung Sơn, Tưởng Sơn và Kim Tràng. Đất Tổng Bảo Lộc Sơn nay thuộc huyện Tân Yên, gồm 4 xã Việt Lập, Quế Nham, Liên Chung, Hợp Đức. Đây là vùng đất sản sinh nhiều bậc hiền tài, có tước vị, phẩm hàm cao. Tài đức của các vị khi đương chức cũng như khi về trí sỹ nơi quê nhà được lưu truyền trong nhân dân và khắc vào bảng vàng bia đá truyền lại cho đời sau. |
| 40 | *Đồi Cháy* | Đồi Cháy còn gọi là Đồi văn hóa kháng chiến, hay ấp Cầu Đen trước đây (nay là thôn Sậu, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên). Ấp Cầu Đen là một trong những địa điểm đón các văn nghệ sĩ tản cư về sống và làm việc sau ngày Toàn quốc kháng chiến. Đầu năm 1947, khi nhà văn Nguyên Hồng lên đây, ông đã đặt tên ấp Cầu Đen là Đồi Cháy. Nhiều văn nghệ sĩ đã lần lượt ở hoặc qua lại thường xuyên tại Đồi Cháy như: Nguyên Hồng, Kim Lân, Ngô Tất Tố, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận, Tố Hữu, Tạ Thúc Bình, Tú Mỡ, Vân Đài, Anh Thơ, Trần Bảng và để lại nhiều tác phẩm bất hủ như truyện ngắn "Làng", "Vợ nhặt", "Con chó xấu xí" của nhà văn Kim Lân; Ngô Tất Tố sáng tác chèo, truyện ngắn và hàng loạt tác phẩm dịch; tiểu thuyết “sống mãi với Thủ đô” của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng; "Ấp Đồi Cháy", "Địa ngục và lò lửa", "Đất nước yêu dấu", "Đêm giải phóng" của nhà văn Nguyên Hồng…Nơi đây cũng đã khởi thảo cho số báo Văn nghệ ra đời năm 1948 tại chiến khu Việt Bắc. Vì thế, ấp Cầu Đen sau này có tên gọi là Đồi Văn hóa kháng chiến. Năm 2018, Đồi Văn hóa kháng chiến đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. |
| 41 | *Luộc Hạ* | Thôn Luộc Hạ, thuộc xã Tân Trung, Tân Yên là một trong các địa điểm mà Đề Nắm xây dựng hệ thống làng chiến đấu trong giai đoạn đầu của khởi nghĩa Yên Thế. Tại đây đã diễn ra các trận đánh: Ngày 25/3/1890, quân Pháp do viên úy đồn trưởng đồn binh Bố Hạ đem quân truy kích nghĩa quân Yên Thế; ngày 6/11/1890, quân Pháp do Đại úy Tê ta chỉ huy với 161 lính và 4 sơn pháo bị 20 nhóm nghĩa quân bao vây và dồn lên mỏm đồi ở phía Tây làng Luộc Hạ. Trước sức mạnh tấn công của nghĩa quân, thực dân Pháp buộc phải rút quân.  |
| 42 | *Núi Dành* | Thuộc địa phận hai xã Việt Lập và Liên Chung, huyện Tân Yên. Đây là địa danh từng được nhắc tới trong sách *"Đại Nam nhất thống chí"*, trong đó có đoạn viết:*“Núi Chung Sơn ở xã Bảo Lộc, thuộc địa giới Yên Thế sản xuất ra sâm Nam và cỏ Thi”.* Núi Dành sở dĩ có tên gọi là “Chung Sơn” là bởi dáng núi tựa như một quả chuông. Đền Dành tọa lạc trên đỉnh núi Dành, có từ thời Lê, thờ thánh Cao Sơn- Quý Minh. Lễ hội đền Dành được tổ chức vào ngày 19, 20 tháng giêng hàng năm. Phần lễ có màn rước thánh từ đình Vường lên đền Dành, phần hội gồm các trò chơi dân gian đặc sắc như: Vật, thổi cơm thi, kéo co,…  |
| 43 | *Núi Đót* | Tên ngọn núi nằm phía Tây Bắc huyện Tân Yên. Núi Đót có độ cao 121,8m, rộng 300ha, chạy theo hướng tây bắc - đông nam. Quanh núi Đót có hệ thống di tích lịch sử-văn hoá có giá trị như đền thờ Nàng Giã Đại Thần-vị tướng tham gia cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Trong khu vực núi Đót, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều di vật đồ đá (cuốc, mảnh tước, rìu tay) và một số di vật bằng đồng (rìu, giáo, mũi lao)… chứng tỏ từ thời nguyên thủy trên mảnh đất này đã có con người sinh sống.  |
| 44 | *Nhã Nam* | Đầu thế kỷ XIX là một tổng thuộc huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang. Nhã Nam là địa danh nổi tiếng- là phủ lỵ của phủ Yên Thế trước đây với sự sầm uất của: các buổi chợ phiên “ đỗ, lạc Nhã Nam, quýt cam Bố Hạ”, các dinh thự được thực dân Pháp xây dựng ở Đồi Phủ, bưu điện, tòa án, trụ sở quan huấn đạo, trường học…;địa danh Nhã Nam còn gắn với nhiều sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. |
| 45 | *Thế Lộc* | Địa danh thuộc xã Tân Trung, huyện Tân Yên. Trong khởi nghĩa Yên Thế, Thế Lộc, Dương Sơn và làng Sặt là lãnh địa cũng như căn cứ quan trọng bậc nhất của Lương Văn Nắm (Đề Nắm). Đây cũng là nơi Đề Nắm xây dựng hệ thống làng chiến đấu để chống lại thực dân Pháp trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Yên Thế. |
| 46 | *Vân Cầu* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX, tổng Vân Cầu thuộc huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Đầu thế kỷ XX thuộc huyện Yên Thế, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước 1945, thuộc huyện Yên Thế gồm 3 xã Vân Cầu, Ngọc Cụ, Thúy Cầu. Đất tổng Vân Cầu nay thuộc huyện Tân Yên, gồm 3 xã Song Vân, Việt Ngọc, Ngọc Vân. |
| 47 | *Yên Viễn* | Tên gọi trước đây của huyện Yên Thế. Theo một số tài liệu nghiên cứu, thời Lý – Trần, huyện Yên Thế có tên gọi là Yên Viễn với ý nghĩa vùng đất xa xôi nhưng yên bình của triều đình. Đầu thế kỷ XV, huyện Yên Viễn được đổi thành huyện Thanh Yên, châu Lạng Giang, phủ Lạng Giang. Thời Lê lại đổi tên là Yên Thế thuộc phủ Lạng Giang. Thời Nguyễn, huyện Yên Thế thuộc phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc. Trước năm 1945, Yên Thế là một phủ nằm trong tỉnh Bắc Giang. Sau năm 1945, đổi là huyện Yên Thế, địa giới bao gồm hai huyện Yên Thế và Tân Yên hiện nay.  |
| **Huyện Việt Yên** |
| 48 | *Hoàng Mai* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX, tổng Hoàng Mai thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, Kinh Bắc gồm 3 xã: Hoàng Mai, Vân Cốc, My Điền. Đầu thế kỷ XX thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ngày 11/5/1917, tổng này sáp nhập vào huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đất tổng Hoàng Mai nay thuộc huyện Việt Yên gồm các xã: Vân Trung, Tăng Tiến, Hoàng Minh, Hồng Thái. |
| **Huyện Yên Dũng** |
| 49 | *Cổ Dũng* | Tên một tổng. Đầu thế kỷ XIX thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Đầu thế kỷ XX thuộc huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đất tổng Cổ Dũng nay thuộc huyện Yên Dũng, gồm các xã: Tiến Dũng, Đức Giang, Đồng Việt, Đồng Phúc. |
|  |  | **Huyện Yên Thế** |
| 50 | *Bến Nhãn* | Thuộc thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế; giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Bến Nhãn là địa danh nổi tiếng về giao thương, buôn bán trao đổi giữa miền xuôi và miền ngược. Bến nằm kề sông Thương, là nơi chung chuyển hàng hóa sầm uất: Nơi tập kết các tàu lớn mang theo muối, gạo, vải, chum, vại... từ dưới xuôi lên đổi lấy các lâm thổ sản nổi tiếng của vùng, chuyển về bán dưới xuôi. Nơi đây có đền Bến Nhã thờ Hưng đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, di tích xếp hạng cấp quốc gia năm 1991.  |
| 51 | *Cầu Gồ* | Tên thị trấn thuộc huyện Yên Thế (được thành lập theo Nghị định số 103 ngày 29/8/1994 của Chính phủ). Hiện nay, thị trấn Cầu Gồ được sáp nhập vào xã Phồn Xương thành thị trấn Phồn Xương. Trong lịch sử Cầu Gồ là địa danh nổi tiếng gắn liền với cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo với các di tích: Đồn Phồn Xương, đền Thề, đồn Hố Chuối. Vì thế, tên Cầu Gồ đã đi vào tiềm thức, tình cảm yêu mến của các thế hệ. |

**2. Mục từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội (01)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| 1 | *Thành công* | Sự thắng lợi, thành quả đạt được sau quá trình nỗ lực, cố gắng. |

**3. Di tích cấp Quốc gia tiêu biểu (số lượng:03)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| **Huyện Hiệp Hòa** |
| 1 | ***Đông Trước*** | **Tên đình thuộc xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa. Đình Đông Trước là di tích đ**ược xếp hạng kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 3083/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đình khởi dựng từ thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVIII) và trùng tu vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX), thờ các vị Thành hoàng làng Cao Sơn, Quý Minh và Bạch Tượng. Đình có giá trị nghệ thuật cao, mang nét đặc trưng của hai nền nghệ thuật kiến trúc thời Lê Trung Hưng-Nguyễn thể hiện rõ ở quy mô kiến trúc, các đề tài chạm khắc trên vì nóc, vì nách, bẩy, kẻ...Trong di tích hiện còn lưu giữ nhiều tài liệu quý như: 05 tấm bia đá thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn; kiệu thờ, bẳng văn, 04 ngai thờ thời Nguyễn, chấp kích, đài thờ, mâm bồng, nhang án, chiêng đồng, bát hương. |
| **Huyện Lục Ngạn** |
| 2 | *Am Vãi* | Tên chùa thuộc xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn. Chùa Am Vãi là di tích được xếp hạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 819/QĐ-BVHTTDL ngày 09/3/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, nằm trong hệ thống chùa tháp thời Lý-Trần. Vào thời Lê, chùa Am Vãi là một cổ tự có quy mô lớn. Năm 1990, chùa được tu tạo lại trên nền chùa cũ và tiếp tục được trùng tu, tôn tạo vào các năm 1998, 2009. Hiện nay, chùa còn 2 ngôi tháp tổ: Một ngôi đã bị đổ nát còn lại chân móng; một tháp có tên trên mái đá là “Liên Hoa bảo tháp”, bên trong tháp còn bài vị đọc được nội dung và xác định vị sư tu hành ở đây thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là chứng tích quan trọng góp phần tìm hiểu giai đoạn văn hóa Lý -Trần trên đất Bắc Giang. |
| **Huyện Tân Yên** |
| 3 | *Tứ Giáp* | Tên chùa thuộc xã Nhã Nam, huyện Tân Yên. Chùa Tứ Giáp được xếp hạng di tích lịch sử và nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 138/QĐ-BVHTT ngày 31/1/1992 của Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Chùa có tên chữ là Đại Phúc Tự được xây dựng vào thời Lê **và bị thực dân Pháp phá hủy năm 1885.** Năm 1886, nhân dân địa phương dựng lại chùa và mang tên chùa Tứ Giáp. Hiện nay, chùa còn 7 gian tiền đường gỗ lim mang đậm phong cách kiến trúc thời Nguyễn. Thời kỳ tiền khởi nghĩa trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, chùa Tứ Giáp được sử dụng làm cơ sở cách mạng, che chở, tạo điều kiện cho cán bộ cách mạng về hoạt động, gây cơ sở để chuẩn bị lực lượng đánh chiếm phủ lỵ Yên Thế, giành chính quyền về tay nhân dân. Đặc biệt, **chùa Tứ Giáp là nơi đóng quân, hoạt động bí mật của Công an khu XII. Ngày 11/3/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng chí Hoàng Mai, Giám đốc Công an khu XII nêu 6 nội dung về tư cách người công an cách mệnh, nên đây còn là nơi phát tích Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân. Hiện nay, khu vực cạnh chùa Tứ Giáp, Bộ Công an đã xây dựng khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân để tưởng niệm Bác và giáo dục truyền thống trong ngành Công an.** |

**4. Di tích cấp tỉnh và công trình tôn giáo, tín ngưỡng tiêu biểu (06)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| **Huyện Lục Nam** |
| 1 | *Bình Long* | Tên chùa thuộc xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam. Chùa Bình Long nằm trên dãy núi Huyền Đinh, là một trong những ngôi chùa cổ bên sườn Tây Yên Tử từng được sử sách lưu danh là một trong các danh lam cổ tự thời Trần thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, quy mô rộng gần 1ha. Đến thời Lê - Mạc, chùa Bình Long được di chuyển xuống chân núi Gốm.  |
| 2 | *Đám Trì* | Tên chùa thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Tương truyền, chùa được xây dựng dưới triều Lý và mở rộng vào thời Trần. Chùa Đám Trì bị thực dân Pháp đốt phá từ 1948. Năm 1994, chùa được dựng lại trên nền đất cũ. Năm 2014, các nhà khảo cổ học đã khai quật được trên 2500 đơn vị hiện vật thời Lý, Trần, Hậu Lê và Nguyễn gồm: Vật liệu xây dựng (gạch, ngói); vật liệu trang trí (lá đề, đất nung); đồ dùng sinh hoạt (gốm men, sành).... Kết quả khai quật khảo cổ cho biết xưa chùa Đám Trì là một trong các danh lam cổ tự có quy mô lớn và có vị trí vô cùng quan trọng trong mối liên quan mật thiết với các ngôi chùa xung quanh thuộc sườn Tây Yên Tử như: Chùa Hồ Bấc (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam), chùa Am Vãi (xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn), chùa Ngọa Vân (xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), chùa Hồ Thiên (xã Tràng Lương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), chùa Đồng-Yên Tử…Chùa Đám Trì đã được xếp hạng di tích Khảo cổ cấp tỉnh năm 2015. |
| 3 | *Hồ Bấc* | Tên chùa thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam. Chùa Hồ Bấc tọa lạc ở độ cao chừng 600m trên núi Bác Mã thuộc dãy Phật Sơn-Yên Tử. Chùa còn có tên chữ là Phúc Chủ, tương truyền do Tổ thứ hai là Pháp Loa Đồng Kiên Cương xây dựng từ năm 1308-1318. Chùa nay không còn, song dấu vết chùa cũ còn khá rõ gồm: Nền móng, bậc thềm, chân tảng, vật liệu xây dựng, vật dụng sinh hoạt có niên đại thế kỷ XIV-XVI. |
| 4 | *Sơn Tháp* | Còn có tên gọi làHòn Tháp. Tên chùa thuộc địa phận xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Sách “Đạo giáo nguyên lưu” ở phần “Trần triều danh đức” có đoạn chép “Vua trần đi về phía Đông, đến chùa Sơn Tháp và lưu ở đó”. Như vậy, chùa Sơn Tháp được tạo dựng từ rất sớm, đến thế kỷ XIII-XIV được mở mang xây dựng trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn thời Trần thuộc Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. |
| 5 | *Yên Mã* | Tên chùa thuộc xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam. Tương truyền, đây là công trình kiến trúc chùa tháp có quy mô lớn, bề thế do Đệ nhị tổ Pháp Loa xây dựng đầu thế kỷ XIII. Đặc biệt, nơi đây còn lưu dấu chân Phật trên một tảng đá lớn cạnh giếng cổ. Tiếc rằng, qua nhiều biến cố lịch sử ngôi chùa chỉ còn là phế tích. Tuy nhiên, dấu tích chùa xưa vẫn còn hiện hữu gồm một quần thể nền móng các công trình kiến trúc đồ sộ: Tam bảo, nhà khách, nhà bếp.... |
| **Huyện Yên Thế** |
| 6 | *(Động) Thiên Thai* | Thuộc xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế; đây là nơi tôn thờ Kỳ đồng Nguyễn Văn Cẩm - một danh nhân yêu nước, có nhiều đóng góp đối với cuộc khởi nghĩa Yên Thế trong những năm 1896 - 1897. Khi Kỳ Đồng lên Yên Thế khai hoang đã lập nên *Thất diệu đồn điền*, gồm: Trại Nhất, Trại Nhì, Trại Ba, Trại Tư, Trại Năm, Trại Sáu và khu Động Thiên Thai. Dưới vỏ bọc đồn điền, Kỳ Đồng đã bắt liên lạc với Hoàng Hoa Thám và giúp đỡ ông về nhân lực, vật lực trong giai đoạn khó khăn của cuộc khởi nghĩa. Động Thiên Thai là một trong 23 di tích và cụm di tích thuộc hệ thống Di tích lịch sử Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt năm 2012. |

**4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện, mốc thời gian gắn với lịch sử, văn hóa của đất nước (16)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| 1 | *Hồng Bàng* | Là giai đoạn lịch sử thuộc thời đại Thượng cổ của lịch sử Việt Nam. |
| 2 | *Văn Lang* | Tên nước ta dưới thời các vua Hùng. |
| 3 | *Âu Lạc* | Tên nước ta thời An Dương Vương. |
| 4 | *Vạn Xuân* | Là Quốc hiệu của nước ta dưới thời nhà Lý (Lý Nam đế) và Triệu Việt Vương |
| 5 |  *Đại Cồ Việt* | Là Quốc hiệu dưới thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê và đầu nhà Lý, kinh đô tại Hoa Lư (thế kỷ X-XI). |
| 6 | *Đại Việt* | Quốc hiệu dưới thời [Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD), [Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n), [Hậu Lê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA), [Mạc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_M%E1%BA%A1c), [Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n) và 3 năm đầu thời [nhà Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%E1%BB%85n). |
| 7 | *Diên Hồng* | Tên Hội nghị thời Trần. Năm 1284, Thượng hoàng Trần Thánh Tông triệu tập các phụ lão trong cả nước về trước điện Diên Hồng để trưng cầu dân ý, hỏi về chủ trương hòa hay đánh giặc Nguyên Mông khi chúng sang xâm lược nước ta lần thứ 2. Hai chữ Diên Hồng đã trở thành biểu trưng cho ý chí thống nhất của một dân tộc. Hội nghị Diên Hồng cũng biểu hiện nhân tố gần dân, thân dân như một giá trị truyền thống mang ý niệm *“dân chủ”* được xác lập trong thời kỳ lịch sử sau này của dân tộc. |
| 8 | *Lam Sơn* | Tên cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược từ năm 1418-1427 do Bình Định vương [Lê Lợi](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A1i_T%E1%BB%95) (tức hoàng đế Lê Thái Tổ) lãnh đạo và kết thúc bằng việc giành lại độc lập cho nước [Đại Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t) và sự thành lập nhà [Hậu Lê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1). |
| 9 | *Tây Sơn* | Tên cuộc khởi nghĩa chống chúa Nguyễn ở đàng Trong do 3 anh em Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ lãnh đạo nổ ra vào năm 1771 và sau này lấy làm tên triều đại, tồn tại từ năm 1778 đến 1802. |
| 10 | *Cần Vương* | Là tên phong trào chống pháp nổ ra vào cuối thế kỷ XIX do Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi khởi xướng. Phong trào Cần Vương đã ghi đậm dấu ấn trong lịch sử dân tộc, thể hiện ý chí không chịu làm nô lệ, quyết đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc. |
| 11 | *Cách mạng tháng Tám* | Sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Cách mạng tháng Tám đã đập tan ách thống trị của thực dân và phong kiến, lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đánh dấu một trang sử vẻ vang của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới cho cách mạng nước ta - Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là thắng lợi đầu tiên của Chủ nghĩa Mác-Lê nin ở một nước thuộc địa. |
| 12 | *3/2* | Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| 13 | *19/5* | Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. |
| 14 | *30/4* | Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. |
| 15 | *1/5* | Ngày Quốc tế Lao động. |
| 16 | *2/9* | Ngày Quốc khánh Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. |

**5. Tên phong trào cách mạng, sự kiện, mốc thời gian gắn với lịch sử, văn hóa của địa phương (số lượng: 05)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Ý nghĩa, xuất xứ tên gọi** |
| 1 | *Khởi nghĩa Yên Thế* | Khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913), là cuộc khởi nghĩa do Lương Văn Nắm và Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất, dài nhất trong lịch sử Việt Nam chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp trên đất nước ta trước khi có Đảng và là một trong những phong trào yêu nước tiêu biểu nhất cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sau này đã được Đảng ta đúc kết, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm để tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi.   |
| 2 | *16/3*  | Sự kiện lịch sử diễn ra tại đình làng Hả, xã Tân Trung, huyện Tân Yên (16/3/1884), nghĩa quân Yên Thế do Lương Văn Nắm (Đề Nắm) chỉ huy chính thức làm lễ tế cờ khởi nghĩa chống Pháp. Ngày 16/3/1984, nhân kỷ niệm 100 năm khởi nghĩa Yên Thế, tại huyện Yên Thế, UBND tỉnh tổ chức Lễ hội kỷ niệm khởi nghĩa Yên Thế. Từ năm 1984 đến nay, ngày 16/3 dương lịch là ngày chính của lễ hội Yên Thế. Lễ hội Yên Thế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. |
| 3 | *10/10* | Ngày thành lập tỉnh Bắc Giang. Ngày 10/10/1895, toàn quyền Pháp ở Đông Dương đã ký Nghị định số 1595 thành lập tỉnh Bắc Giang với các đơn vị hành chính gồm 2 phủ là Lạng Giang và Đa Phúc, cùng 6 huyện: Yên Dũng, Việt Yên, Kim Anh, Yên Thế, Hiệp Hòa và Phượng Nhỡn.  |
| 4 | *12/3* | Ngày 12/3/1945 là ngày khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân ở xã Xuân Biều, huyện Hiệp Hòa. Đây là cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi đầu tiên ở cấp xã của cả nước theo tinh thần Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. |
| 5 | *18/8* | Là ngày Cách mạng tháng Tám thành công do Đảng lãnh đạo, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.Bắc Giang là một trong những tỉnh đầu tiên khởi nghĩa giành được chính quyền cấp tỉnh vào ngày 18/8/1945 tại thị xã Phủ Lạng Thương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Bắc Giang đã nhất tề vùng dậy, trực tiếp tiến công vào bộ máy chính quyền của thực dân và bè lũ tay sai khiến cả bộ máy thống trị của chúng từ xã đến tỉnh lần lượt tan rã. Đó là sự kiện lịch sử vĩ đại, kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang. |

**6. Danh nhân đất nước thời cổ, trung, cận đại (số lượng: 68)**

1. Danh nhân chính trị, quân sự (số lượng: 50)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Cao Lỗ* | Cao Lỗ (? - [179 trước Công nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/179_TCN)), còn gọi là Đại Than Đô Lỗ Thạch Thần, là một vị tướng tài của Thục Phán (An Dương Vương). Tương truyền ông là người chế ra [nỏ liên châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BB%8F_li%C3%AAn_ch%C3%A2u) (bắn được nhiều mũi tên một lúc). Ông là người khuyên Thục An Dương Vương dời đô xuống đồng bằng, tìm đất đóng đô và là người được [An Dương Vương](https://vi.wikipedia.org/wiki/An_D%C6%B0%C6%A1ng_V%C6%B0%C6%A1ng) giao nhiệm vụ thiết kế, chỉ huy công trình xây thành [Cổ Loa](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%95_Loa). |
| 2 | *Lê Chân* | Lê Chân (? - 43), nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, quê làng An Biên, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Khi Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa, Lê Chân đem theo binh lính gia nhập khởi nghĩa và đã lập nên nhiều chiến công vang dội, được phong là Thánh Chân công chúa. Năm 43, Mã Viện lại đưa quân sang phục thù, nghĩa quân chống trả quyết liệt nhưng không bảo toàn được lực lượng. Cuối cùng, nữ tướng Lê Chân đã trầm mình xuống sông để bảo toàn danh tiết. |
| 3 | *Thánh Thiên* | Thánh Thiên (? - ?), nữ tướng trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, quê làng Bích Uyển, phủ Kinh Môn (nay thuộc tỉnh Hải Dương). Bà được Trưng Nữ Vương phong làm Thánh Thiên công chúa và trao cho nhiều trọng trách, lập nhiều chiến công oanh liệt. Trong một trận giao tranh ác liệt, bà đã hy sinh tại bến Ngọc, làng Ngọc Lâm, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang ngày nay. |
| 4 | *Lý Thiên Bảo* | Lý Thiên Bảo (499 - 555), vua nước Dã Năng (tồn tại phía tây với nhà Tiền Lý) trong lịch sử Việt Nam. Ông tham gia cuộc chiến chống quân Lương giữ nước Vạn Xuân và cát cứ ở Dã Năng thời Triệu Việt Vương. Lý Thiên Bảo là anh trai của vua Lý Nam Đế.  |
| 5 | *Phạm Tu* | Phạm Tu (476 - 545), người làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (tên cũ là huyện Thanh Đàm), nay thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Là võ tướng, công thần khai quốc nhà Tiền Lý. Ông là người có công giúp Lý Nam Đế đánh đuổi quân xâm lược nhà Lương, thành lập nước Vạn Xuân độc lập. |
| 6 | *Triệu Túc* | Triệu Túc (? - 545), người huyện Chu Diên (nay là tỉnh Hưng Yên). Là công thần khai quốc nhà Tiền Lý. Ông có công giúp Lý Nam Đế lập nước Vạn Xuân và tử trận trong cuộc chiến chống quân Lương năm 545. |
| 7 | *Triệu Việt Vương* | Triệu Việt Vương (? - 571), tên thật là Triệu Quang Phục, quê huyện Chu Diên (nay thuộc tỉnh Hưng Yên), trước phò Lý Nam Đế lập lên nhà nước Vạn Xuân. Năm 548, Lý Nam Đế mất, năm sau Triệu Quang Phục lên ngôi xưng là Triệu Việt Vương, xây dựng lại nhà nước Vạn Xuân. Năm 571, ông bị Lý Phật Tử phản bội, đem quân đánh úp. Ông bị thua, chạy tới cửa biển, gieo mình xuống biển tự vẫn. Triệu Quang Phục ở ngôi được 22 năm (549 - 571). |
| 8 | *Phùng Hưng* | Phùng Hưng (761 - 802), sinh ra trong một gia đình hào trưởng ở Đường Lâm, Hà Nội. Tháng 4 năm Tân Mùi (791), Phùng Hưng tập hợp lực lượng dấy cờ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Đường. Nghĩa quân chia làm 5 đạo vây đánh Phủ Tống Bình. Sau 7 ngày đêm giao chiến, quân Đường thua chạy rút vào thành cố thủ rồi thất bại. Sau cuộc khởi nghĩa thành công, Phùng Hưng tổ chức lại việc cai trị và xây dựng quyền tự chủ. Ông coi chính sự được 7 năm thì mất. Nhân dân đã tôn ông là Bố Cái Đại Vương để tỏ lòng thương nhớ và kính trọng. |
| 9 | *Khúc Thừa Dụ* | Khúc Thừa Dụ (? - 907), quê ở Hồng Châu (thuộc vùng Bình Giang và Ninh Giang, tỉnh Hải Dương). Ông vốn là con nhà hào phú. Khi nước ta bị nhà Đường đô hộ, các hào kiệt dấy binh chống lại, Khúc Thừa Dụ được suy tôn làm lãnh tụ. Ông lãnh đạo thành công việc đánh đuổi bọn quan lại đô hộ, rồi nắm chính quyền làm chủ đất nước vào năm 906. Nhà Đường buộc phải phong cho ông làm Tiết độ sứ, Đồng bình chương sự. Đây chỉ là danh nghĩa, còn thực tế An Nam đã giải thoát khỏi sự phụ thuộc các triều đại phương Bắc. Tháng 7 năm 907 ông mất, con là Khúc Hạo thay nắm quyền. |
| 10 | *Khúc Hạo* | Khúc Hạo (? - 917), là con của Khúc Thừa Dụ. Sau khi Khúc Thừa Dụ mất, năm 907 Khúc Hạo lên kế vị, tiếp tục sự nghiệp và tinh thần tự chủ, thực hiện cải cách về nhiều mặt nhằm xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ, thoát dần khỏi ảnh hưởng và sự khống chế của triều đình nhà Đường. Ông được coi là người thực hiện cải cách hành chính đầu tiên ở Việt Nam. Khúc Hạo đã đảm đương trọng trách củng cố nền tự chủ còn non trẻ của dân tộc Việt Nam. |
| 11 | *Nguyên Phi Ỷ Lan* | Nguyên Phi Ỷ Lan ([1044](https://vi.wikipedia.org/wiki/1044) - [1117](https://vi.wikipedia.org/wiki/1117)), hay còn gọi là Linh Nhân Hoàng thái hậu. Bà là [phi tần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Phi_t%E1%BA%A7n) của Hoàng đế [Lý Thánh Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng), mẹ ruột của Hoàng đế [Lý Nhân Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Nh%C3%A2n_T%C3%B4ng). Nguyên Phi Ỷ Lan đã hai lần đăng đàn [nhiếp chính](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nhi%E1%BA%BFp_ch%C3%ADnh), khiến đất nước dưới triều Lý được hưng thịnh, những đóng góp cho hoàng triều nhà Lý nhất là về [Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) và tài năng trị nước của bà đều được sử gia khen ngợi và tán dương. |
| 12 | *Lê Phụng Hiểu* | Lê Phụng Hiểu ( [982](https://vi.wikipedia.org/wiki/982) - [1059](https://vi.wikipedia.org/wiki/1059)), quê ở hương Băng Sơn, tổng Dương Sơn, huyện Cổ Đằng, lộ Thanh Hóa (nay thuộc xã Hoàng Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông là một danh tướng [nhà Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD), phụng sự ba triều vua đầu tiên của [nhà Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD) là [Lý Thái Tổ](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1i_T%E1%BB%95), [Lý Thái Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1i_T%C3%B4ng) và [Lý Thánh Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng). Ông là người có công lớn trong việc phò Thái tử Lý Phật Mã lên ngôi vua, tức [Lý Thái Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1i_T%C3%B4ng). |
| 13 | *Trần Anh Tông* | Trần Anh Tông (1276 - 1320), là vị vua thứ tư nhà Trần, tên khai sinh Trần Thuyên, lên ngôi năm 1293. Thời Trần Anh Tông làm vua là thời vua hiền, tôi trung, phép tắc nghiêm trang, thưởng phạt phân minh, chính trị không có điều gì hồ đồ. Việc học hành được mở mang, rộng rãi. Đây là thời kỳ thịnh trị của nhà Trần. |
| 14 | *Trần Minh Tông* | Trần Minh Tông(1300 - 1357), là vị vua thứ 5 của nhà Trần. Ông ở ngôi 15 năm (1314 - 1329) và làm Thái thượng hoàng 28 năm. Ông được sử cũ khen ngợi là một hoàng đế anh minh. Về đối ngoại, hoàng đế Minh Tông giữ được quan hệ ổn định với [Nguyên-Mông](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%C3%AAn); ở phương Nam, ông buộc [Chiêm Thành](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%C3%AAm_Th%C3%A0nh) phải thần phục. Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Trần Minh Tông được tôn thờ như một vị thánh tại xã Thắng Cương, huyện Yên Dũng. |
| 15 | *Huyền Trân Công chúa* | Huyền Trân Công chúa (1287 - 1340), là con gái vua Trần Nhân Tông, em gái vua Trần Anh Tông. Năm 1306, Huyền Trân được nhà vua gả cho vua Chiêm Thành là Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân đến bắc tỉnh Quảng Trị ngày nay). Năm 1307, Chế Mân qua đời, Huyền Trân được cứu đưa về Thăng Long. Năm 1308, bà đầu gia Phật giáo ở núi Trâu Sơn (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Năm 1311, bà đến làng Hổ Sơn, huyện Thiên Bản (nay là Vụ Bản, tỉnh Nam Định) lập am dưới chân núi Hổ để tu hành. Sau khi mất, bà được nhân dân thờ phụng tại đó. |
| 16 | *Nguyễn Khoái* | Nguyễn Khoái (thế kỷ XIII), danh tướng trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên. Ông giữ chức tướng quân trong quân đội nhà Trần. Năm 1285, quân Nguyên xâm lược nước ta, ông cầm quân chiến đấu anh dũng. Năm 1288, trong trận Bạch Đằng lịch sử, ông được giao chỉ huy quân Thánh Dục nghĩa dũng, giáng những đòn quyết liệt vào đội binh thuyền của Ô Mã Nhi, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng. Ông được phong Liệt hầu, ban thái ấp ở Khoái Lộ (nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên). |
| 17 | *Nguyễn Chích* | Nguyễn Chích (1382 - 1448), quê thôn Mạc, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Công thần khai quốc [nhà Lê sơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1), người tham gia [khởi nghĩa Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n), trọng thần trấn giữ vùng đất phía nam triều Lê sơ. Ông giúp Lê Lợi tổ chức khởi nghĩa, đắp lũy, tham gia nhiều trận đánh. Ông được phong Bảo chính công thần, Nhập nội thiếu úy. Sau khi ông mất năm 1448, được truy tặng Nhập nội Tư không bình chương sự. Đời Hồng Đức được truy phong Thái bảo Hiến quận công. |
| 18 | *Trần Quý Khoáng* | Trần Quý Khoáng (? - 1414), thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa chống Minh. Thời Trần, ông giữ chức Nhập nội thị trung. Tháng 4/1409, ông lên ngôi vua, hiệu là Trùng Quang. Sau này do không đủ uy tín để hợp nhất các lực lượng khởi nghĩa khác nhau, nghĩa quân của ông suy yếu dần. Cuối năm 1413, giặc tấn công Hóa Châu, ông phải tìm đường chạy ra Nghệ An và trốn sang Ai Lao, rồi bị giặc bắt vào năm 1414. Giặc đưa ông về Bắc, trên đường đi ông đã nhảy xuống sông tự vẫn. |
| 19 | *Nguyễn Xí* | Nguyễn Xí (1396 - 1465), quê ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sống ở làng Thượng Xá, huyện Chân Phúc (nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Ông là con nuôi Lê Lợi, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, tham gia đánh các trận Ninh Kiều, Tốt Động (1426), trận vây thành Đông Quan (1427), trận Mi Động, rồi Chi Lăng - Xương Giang. Ông là một danh tướng nhà Lê qua 4 đời vua, dẹp loạn Nghi Dân, đưa Lê Tư Thành lên làm vua (tức Lê Thánh Tông), được phong tước Cương quốc công. |
| 20 | *Lưu Nhân Chú* | Lưu Nhân Chú (? - [1433](https://vi.wikipedia.org/wiki/1433)), hay còn gọi là Lê Nhân Chú, người xã An Thuận Thượng, huyện [Đại Từ](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_T%E1%BB%AB), tỉnh [Thái Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn). Ông là một trong các công thần khai quốc nhà [Lê sơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1) trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam). Lưu Nhân Chú tham gia hội thề Lũng Nhai (1416), tham dự khởi nghĩa Lam Sơn từ buổi ban đầu. Ông tham gia các trận đánh ở ải Khả Lưu, trận thành Tây Đô, chiến dịch Chi Lăng- Xương Giang, lập nhiều công lao. Sau khi chiến thắng quân Minh, ông được vua Lê Thái Tổ phong chức Tể tướng, đứng đầu hàng võ, kiêm coi chính sự nhà nước. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 21 | *Trần Lựu* | Trần Lựu (? - ?), còn được chép là Lê Lựu; chính sử không ghi chép rõ thân thế cũng như năm sinh và năm mất của Trần Lựu. Một số nhà nghiên cứu cho rằng ông là con của nghĩa sĩ Trần Lượng, đời [Hậu Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%ADu_Tr%E1%BA%A7n), quê ở làng Lỗ Tự, huyện Thượng Nguyên (nay thuộc xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Trần Lựu là một khai quốc công thần nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam. Ông là một trong số các tướng lĩnh của [nghĩa quân Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n), nổi tiếng trong [chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%ADn_Chi_L%C4%83ng_%E2%80%93_X%C6%B0%C6%A1ng_Giang) và đã góp công lớn trong việc chém đầu [Liễu Thăng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%E1%BB%85u_Th%C4%83ng) ở [ải Chi Lăng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A2i_Chi_L%C4%83ng) năm 1427. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 22 | *Lê Văn Linh* | Lê Văn Linh (? - ?), ông sinh ra cuối thời [nhà Trần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n), nổi tiếng về [văn học](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) từ nhỏ. Năm 1418, Lê Lợi phát động khởi binh chống nhà Minh tại Lam Sơn, Lê Văn Linh là văn thần phò giúp. Ông là quan văn cùng với Lê Thận, Lê Văn An là những tướng võ luôn đi sát bảo vệ Lê Lợi. Ông là một trong số các tướng lĩnh có nhiều công lao trong [chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%ADn_Chi_L%C4%83ng_%E2%80%93_X%C6%B0%C6%A1ng_Giang). Năm 1448, Lê Văn Linh qua đời, thọ 72 tuổi, truy tặng Khai phủ, tên thụy là Trung Hiến. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 23 | *Đinh Liệt* | Đinh Liệt ([1400](https://vi.wikipedia.org/wiki/1400) - [1471](https://vi.wikipedia.org/wiki/1471)), còn gọi là Lê Liệt. Người thôn Phúc Long, xã [Minh Tiến](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Ti%E1%BA%BFn), huyện [Ngọc Lặc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%8Dc_L%E1%BA%B7c), tỉnh [Thanh Hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a). Khi còn trẻ Đinh Liệt thường đi theo cận vệ cho Lê Lợi. Những ngày đầu [khởi nghĩa Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n), ông theo Lê Lợi chiến đấu vùng núi Chí Linh. Năm 1427, quân Lam Sơn vây Đông Quan ([Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)), anh ông là tướng Đinh Lễ bị tử trận. Lê Lợi bèn phong ông làm Nhập nội thiếu uý Á hầu. Cuối năm 1427, Liễu Thăng mang viện binh sang, ông được lệnh cùng [Lê Sát](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_S%C3%A1t) mang quân lên Chi Lăng, góp sức diệt địch, chém được Liễu Thăng, đánh tan đạo viện binh. Đầu năm 1428, ông được xếp vào chức thủ quân thiết đột. Tháng 2 năm 1428, vua Lê Thái Tổ định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ và quân nhân của quân Thiết đột có công lao siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai gồm 121 người. Đinh Liệt công hạng nhất, được ban quốc tính, phong Suy trung tán trị hiệp mưu bảo chính công thần, Vinh lộc đại phu, tả Kim ngô vệ đại tướng quân, tước Thượng trí tự. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 24 | *Phạm Vấn* | Phạm Vấn (? - [1436](https://vi.wikipedia.org/wiki/1436)), người thôn Nguyễn Xá, huyện Lương Giang (nay là huyện [Thiệu Hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%87u_H%C3%B3a)), tỉnh [Thanh Hoá](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a), là công thần khai quốc nhà [Lê sơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1) trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam). Phạm Vấn là người tham gia [khởi nghĩa Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n) từ buổi ban đầu, giúp [Lê Lợi](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A1i_T%E1%BB%95) trong [thời gian khó khăn nhất của cuộc khởi nghĩa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n#Ho.E1.BA.A1t_.C4.91.E1.BB.99ng_.E1.BB.9F_v.C3.B9ng_n.C3.BAi_Thanh_H.C3.B3a). Sử thần [Lê Quý Đôn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Qu%C3%BD_%C4%90%C3%B4n) ghi trong Đại Việt thông sử rằng: "Ông theo vua Thái Tổ khởi binh, trước sau lúc nào cũng ở bên cạnh, hết sức giúp rập". Năm 1427, sau nhiều chiến thắng ở Bắc Bộ, quân Lam Sơn vây chặt [Đông Quan](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i#Th%C4%83ng_Long,_%C4%90%C3%B4ng_%C4%90%C3%B4,_%C4%90%C3%B4ng_Quan,_%C4%90%C3%B4ng_Kinh) và phá tan đạo viện binh của Liễu Thăng. Các tướng dưới quyền Thăng là Thôi Tụ, Hoàng Phúc cố cầm cự, kéo tới Xương Giang và tìm cách liên lạc với Vương Thông ở [Đông Quan](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i#Th%C4%83ng_Long,_%C4%90%C3%B4ng_%C4%90%C3%B4,_%C4%90%C3%B4ng_Quan,_%C4%90%C3%B4ng_Kinh). Lê Lợi sai Phạm Vấn cùng [Lê Khôi](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Kh%C3%B4i) mang quân tiếp ứng cho Lê Sát đang vây Thôi Tụ ở Xương Giang. Các cánh quân Lam Sơn tổng tấn công giết 5 vạn quân Minh, bắt hàng số còn lại và các tướng Minh. Viện binh bị phá, Vương Thông xin giảng hoà rút về nước; [Khởi nghĩa Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n) thắng lợi. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 25 | *Lê Văn An* | Lê Văn An (1384 - [1437](https://vi.wikipedia.org/wiki/1437)), người làng Mục Sơn nay là xã Xuân Bái [huyện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Huy%E1%BB%87n) [Thọ Xuân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8D_Xu%C3%A2n), [Thanh Hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a). Ông là một trong các công thần khai quốc nhà [Lê sơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%AA_s%C6%A1) trong [lịch sử Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam). Khi [khởi nghĩa Lam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n) nổ ra, Lê Lợi cho ông làm thủ vệ kỵ binh quân Thiết đột. Năm 1424, trong trận Khả Lưu, ông xung phong đi đầu hãm trận, đánh lui [quân Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Minh). Năm 1425, khi Lê Lợi cầm quân vây [Nghệ An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An), sai [Trần Nguyên Hãn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Nguy%C3%AAn_H%C3%A3n) đánh Tân Bình và Thuận Hoá, ông được cử cùng các tướng Lê Ngân, Lê Bôi mang thuyền tiếp ứng, phối hợp với Trần Nguyên Hãn đánh được hai thành. Năm 1427, Lê Văn An liên tục đánh bại quân Thôi Tụ, bao vây quân địch ở Xương Giang. Tháng 11 năm 1427, ông cùng các tướng tổng tấn công, bắt và giết toàn bộ quân địch, kết thúc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 26 | *Lê Sát* | Lê Sát (? - 1437), người làng Bỉ Ngũ, thuộc Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, là một trong những khai quốc công thần của triều Lê Sơ. Ông trí dũng hơn người, từng theo Lê Lợi trải nhiều lần thắng quân Minh trên các chiến trường, đặc biệt là trận Chi Lăng- Xương Giang. Năm 1433, Lê Sát được phong làm Đại tư đồ; năm 1434, ông được trao quyền Tể tướng. Lê Sát hăng hái giúp vua sửa sang chính sự, xây dựng kỷ cương luật lệ nước nhà. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 27 | *Lê Bôi* | Lê Bôi (1380 - 1458), tên thật là Phạm Bôi, sinh ra và lớn lên tại xã Tình Di, huyện Đỗ Gia, nay là xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình khoa bảng. Nghe tin Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Lê Bôi đã tìm về được Lê Lợi phong cho làm tướng chỉ huy một đội quân 500 người ở tại quê hương và lần đầu tiên xuất trận bằng chiến thắng vang dội ở Khả Lưu Bồ Ải (huyện Thanh Chương - Nghệ An). Sau đó Lê Bôi tham gia giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá (1425) rồi vây đánh thành Nghệ An, thành Xương Giang (1426 -1427). Chiến thắng giặc Minh, Lê Lợi xưng Vương ban thưởng cho các văn thần võ tướng tất cả có 93 người, trong đó Lê Bôi. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 28 | *Lê Thụ* | Lê Thụ (? - 1460), là một tướng lĩnh, khai quốc công thần nhà Lê Sơ. Ông từng sát cánh cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh khác trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, lập nhiều chiến công, đặc biệt trong trận Chi Lăng- Xương Giang. Lê Thụ phục vụ dưới các triều vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, làm quan đến chức Thái úy. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.  |
| 29 | *Lê Khôi* | Lê Khôi (? - 1446), tên thụy là Vũ Mục, khai quốc công thần nhà Lê Sơ. Lê Khôi người làng Lam Sơn (nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Ông từng tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, lập nhiều công lao. Lê Thái Tổ lên ngôi phong cho là Kì Lân Hổ Vệ tướng quân, hàm Nhập nội thiếu úy, tước Đình Thượng hầu. Lê Khôi được điều làm trấn thủ Hóa Châu, nhiều lần tham gia đánh Chiêm Thành lập chiến tích lớn. Ông là một trong số các tướng lĩnh tiêu biểu có nhiều công lao trong khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ thứ XV, hiện được thờ tại đền Xương Giang thuộc Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt: Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. |
| 30 | *Đàm Thận Huy* | Đàm Thận Huy (1462 - 1526), hiệu Mặc Trai, quê ở làng Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, nay thuộc xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.Đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân năm 1490. Làm quan dưới triều Lê, Mạc. Ông tham gia hội Tao đàn và được vua Lê Thánh Tông ban khen là "Thiên Hạ đệ nhất thi nhân". Khi Mạc Đặng Dung cướp ngôi nhà Lê, Đàm Thận Huy tập hợp nghĩa binh ở Bắc Giang, chống lại nhà Mạc để phù Lê nhưng không thành nên đã tuẫn tiết trên chiến trường Cầu Vồng - Yên Thế (nay là huyện Tân Yên). Sau  này, Mạc Đặng Dung đã cho rước hài cốt Đàm Thận Huy về an táng ở làng và ban sắc, phong tước hầu cho ông.  |
| 31 | *Mạc Đăng Dung* | Mạc Đăng Dung (1483 - 1541), là cháu bảy đời của Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương (nay là huyện Kiến Thụy, Hải Phòng). Ông là người sáng lập ra triều đại nhà Mạc, ở ngôi từ năm 1527 đến hết năm 1529. |
| 32 | *Mạc Đăng Doanh* | Mạc Đăng Doanh (1502 - 1540), là con trưởng của Thái tổ Mạc Đăng Dung. Ông là vị vua thứ hai của nhà Mạc, trị vì từ năm 1530 đến 1540. Ông là người chú trọng việc khoa cử, mở các khoa thi đều đặn 3 năm một lần và chọn được nhiều nhân tài. Ông là người đã mang lại cuộc sống no ấm, yên ổn cho nhân dân Đại Việt, nhất là vùng Bắc Bộ sau nhiều năm loạn lạc, binh lửa. |
| 33 | *Dương Hạo* | Dương Hạo (1615 - 1672), người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm (nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên). Năm 26 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (xếp thứ 2) khoa Canh Thìn niên hiệu Dương Hòa thứ 6, đời Lê Thần Tông (1640). Ông từng đi sứ phương Bắc, làm quan đến chức Ngự sử đài Đô Ngự sử. Năm Nhâm Tý (1672) ông làm Đốc thị, đánh trận ở Nghệ An, bị bệnh mà mất. |
| 34 | *Ngọc Hân công chúa* | Ngọc Hân công chúa (1771 - 1799), là con gái vua Lê Hiển Tông và mẹ là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phù Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội). Bà là người giỏi thơ văn. Năm 1786, khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lần thứ nhất được vua Lê Hiển Tông phong chức tước và gả Lê Ngọc Hân làm vợ. Ngọc Hân theo chồng vào Phú Xuân. Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, bà được phong làm Bắc cung Hoàng hậu. Năm 1792, vua Quang Trung qua đời, bà làm bài thơ *Ai tư vãn* khóc chồng, phản ánh toàn bộ sự nghiệp của người anh hùng “áo vải, cờ đào”. |
| 35 | *Bùi Thị Xuân* | Bùi Thị Xuân (1771- [1802](https://vi.wikipedia.org/wiki/1802)), quê ở thôn Xuân Hòa (nay thuộc thôn Phú Xuân, xã Bình Phú, huyện [Tây Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_S%C6%A1n%2C_B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh), tỉnh [Bình Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh)), là vợ Thái phó Trần Quang Diệu. Bà cùng chồng tham gia phong trào Tây Sơn từ những ngày đầu khởi nghĩa. Là một trong “Tây Sơn ngũ phụng thư” và là Đô đốc của vương triều Tây Sơn. Bà thường cưỡi voi xông pha nơi trận mạc, chiến đấu rất dũng cảm và mưu trí, cùng chồng góp phần quan trọng lập nên những chiến công oanh liệt. Sau khi nhà Tây Sơn thất bại, vợ chồng bà và các con bị nhà Nguyễn bắt và giết hại. |
| 36 | *Ngô Văn Sở* | Ngô Văn Sở (? - 1795), còn có tên là Ngô Hồng Chấn, Ngô Văn Tàng, sinh tại Bình Khê, Quy Nhơn (nay thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định). Ông là một Danh tướng nhà Tây Sơn, được Nguyễn Huệ tin dùng và phong chức Đại Tư Mã trấn thủ thành Thăng Long. Ông là người có công lớn trong trận thắng quân xâm lược Mãn Thanh tại trận Hạ Hồi, Ngọc Hồi - Đống Đa năm 1789. |
| 37 | *Nguyễn Tri Phương* | Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873), quê ở làng Đường Long (Chí Long), xã Chánh Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Là đại danh tướng Việt Nam thời Nguyễn. Ông là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình chống lại [quân Pháp xâm lược](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_thu%E1%BB%99c) lần lượt ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), [Gia Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_%C4%90%E1%BB%8Bnh) (1861) và [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) (1873). Năm 1858, ông là người cầm quân chống Pháp xâm lược ở Đà Nẵng. Sau đó, ông được cử làm Kinh lược sứ Bắc Kỳ.Ngày 20/11/1873, quân Pháp đánh thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương trực tiếp chỉ huy chiến đấu, bị trọng thương và bị quân Pháp bắt. Ông tuyệt thực và mất ngày 20/12/1873. |
| 38 | *Trương Định* | Trương Định (1820 - 1864), quê xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Khi Pháp chiếm thành Gia Định (1859) ông tổ chức dân binh phối hợp với quân triều đình đánh giặc. Triều Nguyễn ký hoà ước với Pháp, ông lui về Gò Công lập căn cứ Tân Hoà tiếp tục phất cao ngọn cờ chống Pháp ở miền Nam. Năm 1864, Trương Định bị thực dân Pháp vây bắt tại làng Tân Phước. Ông cùng các nghĩa quân cảm tử chống giặc tới cùng. Ông bị trúng đạn trọng thương. Quyết không để rơi vào tay giặc, ông đã rút gươm tự vẫn. |
| 39 | *Thủ khoa Huân* | Thủ khoa Huân (1830 - 1875), tên thật là Nguyễn Hữu Huân, quê làng Tịnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Ông đỗ đầu kỳ thi Hương năm 1852 nên còn được gọi là Thủ khoa Huân. Năm 1859, Nguyễn Hữu Huân chiêu mộ nghĩa quân tham gia chiến đấu chống thực dân Pháp. Năm 1862, ông gia nhập lực lượng nghĩa quân do Trương Định lãnh đạo. Sau đó lãnh đạo kháng chiến ở Định Tường, An Giang. Năm 1864, ông bị Pháp kết án tù khổ sai chung thân, đày đi Réunion. Năm 1869, được trả về và bị Pháp quản thúc tại Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân bỏ trốn về vùng Mỹ Tho, Tân An, tiếp tục khởi binh chống Pháp. Đến năm 1874, lực lượng nghĩa quân suy yếu, Nguyễn Hữu Huân trở lại vùng Tân An để tập hợp lại lực lượng tiếp tục con đường chống Pháp, nhưng sau đó ông bị bắt và bị xử tử hình. |
| 40 | *Nguyễn Cao* | Nguyễn Cao (1837 - 1887), hiệu Trác Phong, dân quen gọi là ông Tán Cách Bi, người làng Cách Bi, huyện Quế Dương (nay là Quế Võ), tỉnh Bắc Ninh. Ông đỗ giải nguyên, làm quan Bố chánh Thái Nguyên. Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, ông từ quan, lập nghĩa quân chống lại; từng tập kích vào Đồn Thủy, Gia Lâm. Năm 1886, bị Pháp bắt, ông rạch bụng tự sát, bảo toàn khí tiết nhưng không chết. Năm sau, chúng xử chém ông ở vườn Dừa (nay là quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục, Hà Nội)*.* |
| 41 | *Hoàng Diệu* | Hoàng Diệu (1829 - 1882), tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai. Ông sinh tại làng Xuân Đài, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1880, Hoàng Diệu được bổ nhiệm làm Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội - Ninh Bình). Khi thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ 2 (1882), với chức vụ Tổng đốc Hà Nội, ông đã chỉ đạo quân dân Hà Nội tử thủ chống lại [quân đội Pháp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Ph%C3%A1p), bất chấp triều đình Huế đã chấp nhận đầu hàng. Ngày [25 tháng 4](https://vi.wikipedia.org/wiki/25_th%C3%A1ng_4) năm [1882](https://vi.wikipedia.org/wiki/1882), [thành Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%ADn_th%C3%A0nh_H%C3%A0_N%E1%BB%99i_%281882%29) thất thủ, Hoàng Diệu đã [tự vẫn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B1_s%C3%A1t) để không rơi vào tay quân địch. |
| 42 | *Tống Duy Tân* | Tống Duy Tân (1837 - 1892), quê huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đỗ tiến sĩ năm 1875. Ban đầu ông làm Đốc học Thanh Hóa sau chuyển làm Chánh sứ sơn phòng coi giữ vùng thượng du phía Tây tỉnh Thanh Hoá. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ông tổ chức phong trào chống Pháp ngay tại quê nhà. Đến những năm 1891 - 1892, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn. Cuối cùng ông phải rút về Niên Kỷ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Sau này ông bị thực dân Pháp bắt và mua chuộc nhưng không được. Ông bị giặc Pháp giết vào tháng 11 năm 1892. |
| 43 | *Tăng Bạt Hổ* | Tăng Bạt Hổ (1859 - 1907), quê tại xóm Cửi, làng Ân Thường, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Ông sớm tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp ở miền Nam Trung Kỳ. Năm 1887, phong trào thất bại, ông bôn ba nhiều nơi ở Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan để lo việc cứu nước.Tháng 10 năm 1904, Tăng Bạt Hổ về nước, gia nhập Duy Tân hội, cùng một số đồng chí mà đứng đầu là nhà cách mạng Phan Bội Châu bàn việc thành lập phong trào Đông Du. Năm 1905, Tăng Bạt Hổ đưa cụ Phan sang Nhật, rồi ông hồi hương. Cuối năm 1907, trên đường vào Nam công tác, Tăng Bạt Hổ lâm trọng bệnh và mất ở Huế. |
| 44 | *Thái Phiên* | Thái Phiên (1882 - 1916), quê ở làng Nghi An (nay thuộc xã Hoà Phát, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng), hiệu là Nam Xương. Năm 1904, ông tham gia phong trào Đông Du. Năm 1908, ông tham gia Duy Tân cùng với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ năm 1913, ông là một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục Hội miền Nam Trung Kỳ. Đầu năm 1916, ông và Trần Cao Vân gặp vua Duy Tân thống nhất kế hoạch chống Pháp. Kế hoạch bị lộ, cuộc khởi nghĩa không thành, Thái Phiên bị bắt. Ngày 17 tháng 5 năm 1916, ông bị thực dân Pháp xử chém tại An Hòa, Huế, khi mới 34 tuổi. |
| 45 | *Lương Ngọc Quyến* | Lương Ngọc Quyến (1885 - 1917), tự Lập Nham, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội). Năm 1905, ông tham gia hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật tìm đường làm cách mạng. Năm 1914, ông được cử về nước gây cơ sở cách mạng ở Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Thái Lan. Ông bị bắt và giam ở Thái Nguyên. Trong tù, ông đã tuyên truyền, cảm hóa, kết nạp được một số binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp do Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) chỉ huy. Ông đã cùng với Đội Cấn lãnh đạo cuộc [khởi nghĩa Thái Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn). Nghĩa quân đã làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên trong 7 ngày, quân Pháp phải đưa viện binh từ Hà Nội lên phản công. Để bảo toàn lực lượng, nghĩa quân rút vào rừng. Do bị cùm lâu ngày không đi lại được, Lương Ngọc Quyến đã tự sát để nghĩa quân dễ dàng rút lui. Ông mất vào ngày 5 tháng 9 năm 1917. |
| 46 | *Phạm Hồng Thái* | Phạm Hồng Thái (1895 - 1924), tên thật là Phạm Thành Tích, quê làng Xuân Nha, tổng Văn Viên, phủ Hưng Nguyên (nay là xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An). Năm 1924, ông cùng với Lê Hồng Phong tìm đường sang Thái Lan, rồi sang Trung Quốc. Tại Quảng Châu, ông gia nhập tổ chức *Tâm tâm xã.* Ông được tổ chức phân công ám sát Toàn quyền Đông Dương Merlin. Tối ngày 19 tháng 4 năm 1924, Phạm Hồng Thái cải trang đóng giả nhà báo vào khách sạn và ném một quả bom nhỏ ngay giữa bàn tiệc. Bom nổ, nhưng Merlin chỉ bị thương nhẹ. Sau đó Phạm Hồng Thái chạy ra bờ sông Châu Giang. Bị lính Pháp đuổi gấp, ông nhảy xuống sông Châu Giang, hy sinh khi mới 28 tuổi. |
| 47 | *Trần Xuân Soạn* | Trần Xuân Soạn (1849 - 1923), quê ở làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hoá, được nhà Nguyễn phong Đề đốc. Năm 1885 Ông đã phò vua Hàm Nghi dựng cờ Cần Vương ở Hà Tĩnh. Ông cùng Phạm Bành, Đinh Công Tráng lập căn cứ Ba Đình (Thanh Hóa) chống Pháp. Phong trào tan rã, ông cùng Tôn Thất Thuyết hoạt động ở vùng biên giới phía Bắc rồi mất ở thị trấn Thiều Châu (Trung Quốc). |
| 48 | *Nguyễn Thượng Hiền* | Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925), tự Đỉnh Thần, hiệu Mai Sơn, sinh làng Liên Bạc, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội). Năm 1889, ông thi đỗ Hoàng giáp, được bổ làm việc ở Quốc Sử quán (Huế), sau thăng Đốc học Ninh Bình, Nam Định. Năm 1908, Nguyễn Thượng Hiền từ quan, xuất dương sang Trung Quốc, Nhật Bản cùng Phan Bội Châu hoạt động, trở thành một nhân vật quan trọng của *Việt Nam Quang Phục hội*. Sau khi các hoạt động của [Việt Nam Quang phục Hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_Quang_ph%E1%BB%A5c_H%E1%BB%99i) thất bại, Nguyễn Thượng Hiền vào tu ở chùa Thường Tích Quang (Trung Quốc) và mất tại đây ngày [28 tháng 12](https://vi.wikipedia.org/wiki/28_th%C3%A1ng_12) năm [1925](https://vi.wikipedia.org/wiki/1925). |
| 49 | *Nguyễn Thiện Thuật* | Nguyễn Thiện Thuật (1844 - 1926), quê làng Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Năm 1876, ông từng giữ chức Tán dương quân vụ thường gọi là Tán Thuật. Sau khi triều đình Huế ký hiệp ước đầu hàng Pháp, ông từ bỏ quan chức, nuôi ý chí khởi nghĩa. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông đứng ra thống nhất các lực lượng chống Pháp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, chọn Bãi Sậy (khu vực các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Mỹ Hào) làm căn cứ*,* tiêu hao khá nhiều lực lượng của địch. Thực dân Pháp đem quân đàn áp. Tán Thuật trao quyền chỉ huy cho em rồi sang Trung Quốc tìm Tôn Thất Thuyết bàn cách tăng viện. Nhưng việc không thành, sau đó ông bị bệnh và mất ở thành phố Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc). |
| 50 | *Nguyễn Sinh Sắc* | Nguyễn Sinh Sắc (1862 - 1929), ông là thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tên thật là Nguyễn Sinh Huy, quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông đỗ Phó bảng năm 1901, làm quan ở Kinh thành Huế, rồi được bổ nhiệm vào giữ chức Tri huyện Bình Khê (Bình Định). Năm 1927, ông vào Sài Gòn hành nghề Đông y và giữ mối liên lạc với các chí sĩ yêu nước ở miền Nam. Năm 1929, ông mất tại Cao Lãnh, Đồng Tháp. Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã được xếp hạng cấp quốc gia năm 1992. |

b) Danh nhân văn hóa, khoa bảng (18)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Sư Vạn Hạnh* | Sư Vạn Hạnh (929 - 1018), thiền sư đời Tiền Lê, họ Nguyễn, không rõ tên thật (trong chính sử thường ghi là sư Vạn Hạnh), quê ở làng Cổ Pháp, phủ Từ Sơn, nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là người tinh thông Tam giáo, sùng đạo Phật. Năm 21 tuổi, ông vào tu ở chùa Lục Tổ, Bắc Ninh. Là bậc tu hành, nhưng ông vẫn quan tâm đến biến cố chính trị, quân sự đương thời. Ông nhận thấy sự suy vong của nhà Tiền Lê dưới thời trị vì của Lê Ngọa Triều, nên ông đã ủng hộ Lý Công Uẩn lật đổ nhà Tiền Lê, dựng nên nhà Lý. Khi Lý Công Uẩn lên ngôi, ông càng được trọng đãi, phong làm Quốc sư. Sư Vạn Hạnh có nhiều đóng góp cho việc củng cố, xây dựng vương triều Lý, phát triển đất nước và Phật giáo thế kỷ XI.  |
| 2 | *Pháp Thuận* | Pháp Thuận (? - ?), tên thật là Đỗ Pháp Thuận, là thiền sư đời thứ 10, dòng [Tỳ-ni-đa-lưu-chi](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%B3-ni-%C4%91a-l%C6%B0u-chi&action=edit&redlink=1). Từ nhỏ đã xuất gia, thờ Thiền sư Phù Trì chùa Long Thọ làm thầy. Sau khi đắc pháp Sư trụ trì ở chùa Cổ Sơn. Pháp Thuận là người học rộng, thơ hay, hiểu rõ việc nước. Ðang vào lúc [nhà Tiền Lê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Ti%E1%BB%81n_L%C3%AA) dựng nghiệp, trù kế hoạch định sách lược, sư tham dự đắc lực. Ðến khi thiên hạ thái bình, sư không nhận phong thưởng. [Vua](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vua) [Lê Ðại Hành](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_%C4%90%E1%BA%A1i_H%C3%A0nh) càng thêm kính trọng, thường không gọi tên, chỉ gọi Ðỗ Pháp sư và đem việc soạn thảo văn thư giao phó cho ông đảm trách. |
| 3 | *Lý Quốc Sư* | Lý Quốc Sư (1065 - 1141), tên thật là Nguyễn Chí Thành, quê làng Điềm, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, tu đạo Phật, học trò Từ Đạo Hạnh, có pháp danh Minh Không, đạo cao đức trọng, chữa được bệnh hiểm nghèo cho vua Lý Thần Tông nên được phong là Quốc sư. Ông là một vị cao tăng đứng đầu tổ chức Phật giáo của triều đại [nhà Lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD) trong lịch sử, được tôn vinh là ông tổ nghề đúc đồng Việt Nam. |
| 4 | *Lê Văn Thịnh* | Lê Văn Thịnh (1050 - 1096), là người làng Đông Cứu (nay là thôn Bảo Tháp, huyện [Gia Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_B%C3%ACnh), tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh)). Ông nổi tiếng là người thông minh, hiếu học từ nhỏ. Năm 1075, triều đình nhà Lý mở khoa thi Minh kinh Bác học (là khoa thi đầu tiên của Văn Miếu, Quốc Tử Giám ở Thăng Long). Ông đỗ đầu khoa thi, được tôn vinh là Trạng nguyên Khai khoa và được bổ nhiệm làm chức Thị Lang Bộ Binh, phụ trách dạy vua Lý Nhân Tông học. Lê Văn Thịnh đã có đóng góp rất nhiều trong công cuộc ngoại giao với các nước, nhất là việc bàn nghị về việc cương giới với nhà Tống, khiến nước này phải trả lại 6 huyện 3 động thuộc châu Quảng Nguyên cho [Đại Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t). Lê Văn Thịnh là ngươi tài cao, đức trọng, có nhiều công lao với đất nước, được triều đình nhà Lý thăng chức Thái Sư, là chức vụ cao nhất trong triều.  |
| 5 | *Lê Văn Hưu* | Lê Văn Hưu (1230 - 1322), quê ở huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Ông là nhà sử học đầu tiên của nước ta. Năm 1247, ông đỗ Bảng nhãn, sau đó, ông được đưa vào làm ở Viện Hàn lâm, rồi thăng lên chức Thượng Thư Binh bộ, tước Nhân Uyên hầu. Ông được cử làm Giám tu Quốc sử viện, biên soạn bộ Đại Việt sử ký của đất nước. Bộ sử trở thành tư liệu cơ sở cho nhà sử học Ngô Sĩ Liên hoàn thành bộ *Đại Việt sử ký toàn thư.* |
| 6 | *Đào Duy Từ* | Đào Duy Từ (1572 - 1634), quê ở huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa). Ông là nhà quân sự, nhà văn hóa, người giúp chúa Nguyễn xây dựng cơ nghiệp ở Đàng Trong. Đào Duy Từ có tài văn võ nhưng không được đi thi vì là con nhà ca xướng. Ông rời quê hương vào Bình Định và được chúa Nguyễn Phúc Nguyên phong chức Nha úy Nội tán, tước Lộc Khê hầu. Ông giúp chúa Nguyễn đắp các lũy Trường Dục, lũy Nhật Lệ để ngăn đường quân Trịnh. Đào Duy Từ còn được coi là người có công phát triển nghề hát bội ở Đàng Trong, là người khởi thảo Tuồng Sơn Hậu. |
| 7 | *Giang Văn Minh* | Giang Văn Minh (1582 - 1639), quê ở làng Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội, đỗ Thám hoa, được cử đi sứ sang nhà Minh. Do có tài đối đáp, giữ thể diện đất nước mà bị vua nhà Minh là Sùng Trinh giữ lại và hãm hại. Ông được truy tặng Tả thị lang Bộ binh, tước Vinh quận công. Tương truyền, khi ấy vua nhà Minh ra vế đối: *Đồng trụ chí kim đài dĩ lục* (Cột đồng đến nay rêu vẫn xanh), ý nói đến cột đồng Mã Viện dựng sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Nêu cao ý chí tự cường dân tộc, Giang Văn Minh đã đối lại: *Đằng giang tự cổ huyết do hồng* (nước sông Bạch Đằng ngày xưa còn nhuốm đỏ máu quân thù - ý nói về thắng lợi của quân dân nước Việt trên sông Bạch Đằng trước kẻ thù xâm lược phương Bắc). |
| 8 | *Nguyễn Công Hãng* | Nguyễn Công Hãng (1680 - 1732), tên tự là Đại Thanh, hiệu Tĩnh Trai, người huyện Đông Ngàn (nay là thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Năm 21 tuổi, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700). Ông giữ các chức quan như: Đề hình, Thiêm đô ngự sử, Đốc trấn Cao Bằng, Tả Thị lang bộ Binh, Nhập thị Bồi tụng, Thượng thư, tước Sóc Quận công, sau thăng Thiếu bảo, kiêm chức Ngự sử đài chánh chưởng, Thượng thư bộ Lại, hàm Thái tử Thái phó, sau lại thăng Thái bảo, xếp vào hạng Tá lý công thần và được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh (năm 1718). Sau, do Trịnh Giang nghe lời dèm pha, ông bị giáng chức xuống làm Thừa chính sứ Tuyên Quang và bắt ép ông phải tự tử. Nguyễn Công Hãng là người có nhiều đóng góp tích cực cho chính sách cai trị của triều đình Lê - Trịnh đầu thế kỷ XVIII. |
| 9 | *Đoàn Thị Điểm* | Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), quê làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Bà là một trong những tác gia lớn của nền văn học thời trung đại, để lại cho đời nhiều tập truyện, ký, thơ văn, câu đối chữ Hán, chữ Nôm, nhưng nổi bật nhất là hai tác phẩm Truyền kỳ tân phả (truyện) bằng chữ Hán và bản dịch Chinh phụ ngâm – được xem là tác phẩm ưu tú nhất của nền thi văn trung đại Việt Nam. |
| 10 | *Hồ Xuân Hương* | Hồ Xuân Hương  (1772 - 1822), quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, sinh sống ở phường Khán Xuân, thành Thăng Long vào nửa cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Bà được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”, giỏi thơ Nôm và có tài trào lộng, châm biếm, mang phong cách riêng biệt khác người. Nhiều bài thơ Nôm của bà được truyền tục rộng rãi trong dân gian như: Tập thơ *Lưu hương ký, Tự tình.* |
| 11 | *Phan Huy Chú*  | Phan Huy Chú (1782 - 1840), quê ở làng Thuỵ Khuê, huyện Yên Sơn (nay là huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội). Là nhà bác học lớn của lịch sử trung đại Việt Nam**.** Ông là nhà bách khoa, nhà văn hóa, nhà địa chí nổi tiếng; có thực tài, hay chữ, mở trường dạy học và soạn sách. Ông là tác giả nhiều sách giá trị: *Hoàng Việt dư địa chí, Hoa thiều ngâm lục,* nhấtlà Lịch triều hiến chương loại chí - bộ sách được đánh giá là bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam. |
| 12 | *Bà Huyện Thanh Quan* | Bà Huyện Thanh Quan (1805 - 1848), tên thật là Nguyễn Thị Hinh, người làng Nghi Tàm (phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội). Bà là [nhà thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%C6%A1) nữ thời cận đại. Bà học rộng, được vua Minh Mệnh mời vào Huế làm Cung trung giáo tập, dạy học cho các cung phi và công chúa. Trong sự nghiệp thơ văn, bà để lại một số tác phẩm có giá trị: *Qua Đèo Ngang, Thăng Long thành hoài cổ, Cảnh chiều hôm...* |
| 13 | *Nguyễn Trường Tộ* | Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871), quê làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Năm 30 tuổi (1858), ông được đưa qua Hương Cảng, Singapore, Thuỵ Sĩ và đi học ở Rome (Ý) và Paris (Pháp) về các môn khoa học thường thức, các môn thực nghiệm…trong vòng 2 năm. Ông đã gửi triều đình Huế bản điều trần *Tám điều cấp cứu*. Nhưng triều đình Huế bảo thủ, cố chấp, nên những đề nghị trên không được thực hiện. Tuy nhiên, năm 1871 Nguyễn Trường Tộ vẫn tiếp tục kiên trì gửi thêm nhiều điều trần đề nghị cải cách, chấn hưng kinh tế…. Ông mất ngày 10 tháng 10 năm 1871. |
| 14 | *Đào Tấn* | Đào Tấn (1845 - 1907), hiệu Mai Tăng, người làng Vĩnh Thanh, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông có công lớn trong việc nghiên cứu cải tiến nghệ thuật diễn tuồng, chỉnh lý một số vở có giá trị: *Sơn Hậu, Đào Phi Phụng, Tam nữ đồ vương* và soạn nhiều vở mới như *Diễn võ đình, Trầm hương các, Hoàng Phi Hổ giới bài quan, Hộ sinh dân, Hồi cổ thành*. Ông đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển bộ môn nghệ thuật Tuồng, **được coi là ông tổ của nghệ thuật Tuồng Việt Nam**. |
| 15 | *Tú Xương* | Tú Xương (1870 - 1907), tên thật là Trần Tế Xương, tên bố mẹ đặt cho là Trần Duy Uyên, tự là Mặc Trai, hiệu là Mộng Tích. Ông sinh ra và lớn lên tại tại làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông là người thông minh, tính tình thích trào lộng. Cuộc đời lận đận về đường khoa bảng, tám khoa thi đều hỏng nên dấu ấn thi rớt in đậm nét trong tiềm thức của Tú Xương. Ông đã ghi lại rất sinh động và trung thực bức tranh xã hội đương thời và thể hiện khá rõ tâm trạng của mình trong các tác phẩm. Tú Xương sáng tác rất nhiều và thất lạc cũng nhiều. Ông viết khoảng 151 bài thơ bằng chữ Nôm với đủ các thể loại. Ngoài ra, ông có dịch một số thơ Ðường. |
| 16 | *Bạch Thái Bưởi* | Bạch Thái Bưởi (1874 - 1932), quê làng Yên Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông là một doanh nhân người Việt nổi tiếng. Là một trong những nhà tư sản Việt Nam nổi lên cạnh tranh với giới kinh doanh thực nghiệp, vận tải hàng hóa nước ngoài đầu thế kỷ XX. Các lĩnh vực kinh doanh nổi bật nhất của Bạch Thái Bưởi là hàng hải, khai thác than và in ấn. Ông còn được gọi là "Chúa sông Bắc kỳ". |
| 17 | *Phan Kế Bính* | Phan Kế Bính (1875 - 1921), có hiệu là Bưu Văn, sinh tại làng Thụy Khuê, nay thuộc quận Ba Đình, thành phố Hà Nội trong một gia đình khoa cử. Năm 1906, ông thi Hương đỗ Cử nhân nhưng không ra làm quan, hưởng ứng phong trào Duy Tân, Đông Kinh nghĩa thục, rồi làm báo. Ông là một trong những nhà nho đầu tiên có công dùng chữ quốc ngữ để nghiên cứu, dịch thuật, giới thiệu nền văn hóa, văn học, cổ cận đại Việt Nam và Trung Quốc cho độc giả đầu thế kỷ XX. Ông là tác giả cuối sách *Việt Nam phong tục* lược khảo về văn hóa, phong tục Việt. |
| 18 | *Tản Đà* | Tản Đà (1888 - 1939), tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, sinh tại  tại làng [Khê Thượng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kh%C3%AA_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng&action=edit&redlink=1), huyện [Bất Bạt](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A5t_B%E1%BA%A1t&action=edit&redlink=1), tỉnh [Sơn Tây](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_T%C3%A2y) (nay là xã [Sơn Đà](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_%C4%90%C3%A0), huyện [Ba Vì](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ba_V%C3%AC%2C_H%C3%A0_N%E1%BB%99i), thành phố [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)). Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam. Trong văn đàn Việt Nam đầu [thế kỷ 20](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_20), Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng, vừa độc đáo, vừa dồi dào năng lực sáng tác. Những tác phẩm nổi tiếng của ông: Khối tình con I, Khối tình con II (thơ), Giấc mộng con I, Giấc mộng con II (văn), Thiên thai (Tuồng), Tây Thi, Tống biệt (kịch)… |

 **7. Danh nhân đất nước thời hiện đại (số lượng: 79)**

 a) Danh nhân chính trị - cách mạng (số lượng: 42)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Châu Văn Liêm* | Châu Văn Liêm (1902 - 1930), quê xã Thái Thạnh, huyện Ô Môn (nay thuộc thành phố Cần Thơ). Ông là một trong hai đại biểu của An Nam cộng sản Đảng đi dự Hội nghị hợp nhất và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.Ông trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình của nông dân Đức Hòa kéo lên phản đối chính quyền thực dân ở tỉnh Chợ Lớn ngày 4 tháng 6 năm 1930. Thực dân Pháp đàn áp đẫm máu cuộc biểu tình, ông đã anh dũng hy sinh khi mới 28 tuổi. |
| 2 | *Nguyễn Đức Cảnh* | Nguyễn Đức Cảnh (1908 - 1932), quê tại làng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Ông là đảng viên Việt Nam quốc dân Đảng. Năm 1927, Nguyễn Đức Cảnh được cử sang Trung Quốc gặp Tổng bộ Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí bàn việc thống nhất hành động chống đế quốc Pháp. Sau đó ông đã ly khai Việt Nam quốc dân Đảng để gia nhập *Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Tháng 3/1929, ông cùng một số đồng chí tổ chức Chi bộ cộng sản đầu tiên tại số nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội; tham gia thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Trong hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930, ông là đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng. Sau hội nghị, ông về hoạt động ở Hải Phòng, phụ trách các tờ báo Lao động và Công hội đỏ.Cuối năm 1930, ông được bầu vào Ban Thường vụ Xứ ủy Trung kỳ phụ trách tuyên huấn.Cuối tháng 4/1931, ông bị địch bắt và bị kết án tử hình. |
| 3 | *Hồ Ngọc Lân* | Hồ Ngọc Lân (1906 - 1932), quê tại phố Niềm Thắng, thị xã Bắc Ninh, nay là thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1927, ông tham gia hoạt động cách mạng, gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tháng 7/1929, ông tham gia Chi bộ cộng sản đầu tiên Bắc Ninh – Bắc Giang cùng với Phạm Văn Chất, Nguyễn Hữu Căn. Ngày 4/8/1929, tại núi Lim, huyện Tiên Du, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Bắc Ninh – Bắc Giang đã ra đời, ông là một trong năm đồng chí được bầu là Tỉnh uỷ viên đầu tiên. Ngày 06/11/1929, ông bị thực dân Pháp bắt và xử tử hình vào ngày 31/7/1932. |
| 4 | *Tạ Uyên* | Tạ Uyên (1898 - 1940), còn có tên là Châu Xương, quê làng Côi Trì, tổng Yên Mô (nay là xã Yên Mỹ, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình). Năm 1927, chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Yên Mô được thành lập, Tạ Uyên được cử làm Bí thư. Năm 1929, ông bị bắt đưa về nhà lao Ninh Bình và bị đày đi Côn Đảo. Năm 1935, ông vượt đảo trốn về đất liền. Về Nam Bộ, ông tiếp tục hoạt động cách mạng, ông được cử làm Bí thư liên tỉnh Hậu Giang, rồi tham gia Ban chấp hành xứ ủy. Năm 1940, ông được cử làm Bí thư xứ ủy, trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Tuy nhiên trước ngày khởi nghĩa nổ ra, ông bị giặc Pháp bắt và xử tử. |
| 5 | *Võ Văn Tần* | Võ Văn Tần (1894 - 1941), quê ở làng Đức Hòa, huyện Đức Hòa, Chợ Lớn (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1926, Võ Văn Tần được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Cuối năm 1929, ông chuyển sang An Nam Cộng sản Đảng và làm Bí thư chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Đức Hòa. Từ năm 1931 đến 1932, ông là Bí thư Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Chợ Lớn, Bí thư Tỉnh ủy Gia Định. Ông cho xuất bản tờ báo Lao động làm cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh. Năm 1937, ông được phân công làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ, sau đó được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.Ông bị thực dân Pháp bắt vào tháng 7 năm 1940 và sau bị xử bắn tại [Hóc Môn](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B3c_M%C3%B4n) ngày 28/8/1941. |
| 6 | *Phùng Chí Kiên* | Phùng Chí Kiên (1901 - 1941), quê ở làng Mỹ Quang Thượng, nay thuộc xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Năm 1935, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách công tác Đảng ở nước ngoài. Tháng 8/1936, ông về Sài Gòn cùng Hà Huy Tập chỉ đạo phong trào cách mạng. Một năm sau, ông quay lại Trung Quốc thay Lê Hồng Phong chỉ đạo công tác Đảng ở nước ngoài. Năm 1937, ông bị bắt tại Hương Cảng. Bị trục xuất, nhưng ông vẫn tiếp tục hoạt động. Tháng 2/1941, ông cùng Nguyễn Ái Quốc về Pắc Bó, tỉnh Cao Bằng xây dựng và bảo vệ khu căn cứ cách mạng. Tại Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương (tháng 5/1941), ông được cử trực tiếp chỉ đạo khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai và chỉ huy trung đội Việt Nam Cứu quốc quân thứ nhất. Tháng 8/1941, ông hy sinh tại Ngân Sơn. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, ông được truy tặng quân hàm cấp tướng, trở thành vị tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. |
| 7 | *Phan Đăng Lưu* | Phan Đăng Lưu (1902 - 1941), quê tại xã Tràng Thành (nay là Hoa Thành), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Cuối năm 1925, Phan Đăng Lưu được kết nạp vào tổ chức Cách mạng Hội Phục Việt ở Vinh. Năm 1928, ông làm Ủy viên thường vụ Tổng bộ của đảng Tân Việt. Tháng 9/1930, ông bị bắt ở Hải Phòng và kết án 3 năm tù khổ sai. Giữa năm 1936, ông được ra tù, nhưng bị quản thúc ở Huế. Tháng 11/1940, ông bị mật thám bắt và kết án tử hình, bị xử bắn tại Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định ngày 26/8/1941. Cuộc đời ông là một tấm gương sáng ngời về phẩm chất và đạo đức cách mạng của người cộng sản. |
| 8 | *Tô Hiệu* | Tô Hiệu (1912 - 1944), quê ở làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Năm 1929, ông vào Sài Gòn hoạt động trong Quốc dân đảng. Năm 1930, ông bị bắt và xử 4 năm tù và bị đày đi Côn Đảo. Ông được kết nạp Đảng ngay khi ở trong tù. Năm 1939, ông được thả, sau đó được cử phụ trách miền duyên hải Bắc Kỳ, trực tiếp làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng. Tháng 12/1939, ông bị địch bắt và kết án 5 năm tù giam. Năm 1940, ông bị đày lên nhà tù Sơn La. Tại đây, ông được bầu làm Bí thư chi bộ Đảng, tham gia công tác tuyên truyền cách mạng và đấu tranh cải thiện chế độ nhà tù. Ngày 7/3/1944, Tô Hiệu qua đời tại nhà tù Sơn La. |
| 9 | *Hồ Công Dự* | Hồ Công Dự là người huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ông được giác ngộ cách mạng từ khá sớm. Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, ông và nhiều cán bộ khác bị địch bắt đưa lên nhà tù Sơn La. Tháng 3/1945, Hồ Công Dự vượt ngục trở về hoạt động cách mạng. Từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, để đẩy mạnh phong trào cách mạng trong tỉnh cao hơn nữa, Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ đã tăng cường cho Bắc Giang các đồng chí Hồ Công Dự, Phạm Yên, Hoàng (Bạch)... Theo đó, Ban cán sự tỉnh đã phân công đồng chí Hồ Công Dự về Việt Yên phụ trách phong trào cách mạng hai huyện Việt Yên, Yên Dũng. Tối ngày 17/8/1945, đồng chí Hồ Công Dự triệu tập một cuộc họp ở đình làng Song Khê (Yên Dũng) quyết định khởi nghĩa giành chính quyền tỉnh Bắc Giang. Theo đó, sáng sớm ngày 18/8/1945, đồng chí Hồ Công Dự và một số đồng chí khác dẫn đội tự vệ bí mật đột nhập vào dinh tỉnh trưởng, bắt tỉnh trưởng Nguyễn Ngọc Đĩnh phải đầu hàng, yêu cầu quân Nhật phải điều đình ngay với Việt Minh. Bộ máy chính quyền tay sai địch hoàn toàn bị đập tan. Khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Bắc Giang đã hoàn toàn thắng lợi. |
| 10 | *Hoàng Ngân* | Hoàng Ngân (1921 - 1949), tên thật là Phạm Thị Vân, quê xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Bà vào Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 17 tuổi, làm liên lạc cho Xứ ủy Bắc Kỳ, cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Hải Phòng, Ban thường vụ Hội Phụ nữ Bắc Kỳ. Bà bị thực dân bắt kết án 12 năm tù, giam ở Hỏa Lò. Nhật đảo chính Pháp, bà được giải thoát, nhận nhiệm vụ Bí thư Phụ nữ cứu quốc Hà Nội, tổ chức đội nữ du kích Minh Khai tham gia Tổng khởi nghĩa. Trong Kháng chiến chống Pháp, bà làm Bí thư Hội Phụ nữ Việt Nam, Tổng biên tập đầu tiên của báo Phụ nữ Việt Nam. Năm 2007 bà được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. |
| 11 | *Nguyễn Bình* | Nguyễn Bình (1908 - 1951), quê ở thôn Yên Phú, xã Tịnh Tiến (nay là xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Nguyễn Bình là người được Bác Hồ tin tưởng giao nhiệm vụ thống nhất các lực lượng vũ trang ở Nam bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1945. Ngày 29/9/1951, trên đường ra miền Bắc họp, ông bị giặc phục kích và hi sinh. Tháng 2/1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhất. Sau này, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân và Huân chương Hồ Chí Minh, là người được phong hàm Trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. |
| 12 | *Mạc Thị Bưởi* | Mạc Thị Bưởi (1927 - 1951), quê ở xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Trong Cách mạng tháng Tám, bà tham gia Phụ nữ cứu quốc tại địa phương. Sau khi Pháp tái chiếm Đông Dương, bà tham gia lực lượng du kích và là cán bộ chính trị cơ sở, hoạt động ở địa phương. Năm 1951, bà làm nhiệm vụ vận động nhân dân vùng tạm chiếm chuẩn bị lương thực chuyển ra vùng tự do phục vụ chiến dịch Trần Hưng Đạo, đánh đường 18. Trong một chuyến vận chuyển, bà bị quân Pháp phục kích bắt và tra tấn tàn bạo. Bà kiên quyết không khai và bị giết hại vào ngày 23/4/1951, khi mới 24 tuổi. Năm 1955, bà được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| 13 | *Cù Chính Lan* | Cù Chính Lan (1930 - 1951), quê ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Ông tham gia cách mạng từ năm 1945. Năm 1946, ông xung phong vào bộ đội, lúc đầu làm chiến sĩ giao thông liên lạc, sau được giao làm chỉ huy tiểu đội. Ngày 29/12/1951, đơn vị ông được lệnh đánh Đồn Cô Tô. Trận đánh diễn ra rất ác liệt. Dù bị thương nặng 3 lần, nhưng ông vẫn cố gắng tham gia chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng. Tại Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I (5/1952), ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| 14 | *Bế Văn Đàn* | Bế Văn Đàn (1931 - 1953), người dân tộc Tày, quê xã Quang Vinh, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Ông vào bộ đội từ năm 1949 và tham gia hầu hết các chiến dịch lớn trong kháng chiến chống Pháp.Năm 1953, trên đường đi chiến dịch, đơn vị ông nhận được lệnh cấp tốc lên Lai Châu chặn địch đang chuẩn bị rút về Điện Biên Phủ. Khi địch xông lên, khẩu trung liên của một chiến sĩ do tầm súng quá thấp nên không bắn tới địch, Bế Văn Đàn đã nhảy đến, lấy thân mình làm giá đỡ và hi sinh năm 1955. Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| 15 | *Trần Đăng Ninh* | Trần Đăng Ninh (1910 - 1955), quê ở làng Quảng Nguyên, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội). Năm 1940, ông được giao chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn. Năm 1945, ông được cử vào Ủy ban Tổng khởi nghĩa giúp đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đội Việt Nam giải phóng quân tiến về Thái Nguyên. Năm 1946, ông phụ trách căn cứ địa, chỉ huy việc di chuyển cơ quan Trung ương và Chính phủ lên Việt Bắc. Từ năm 1950, ông tham gia Tổng Quân ủy phụ trách Tổng Cục cung cấp (sau là Tổng Cục hậu cần), là người xây dựng hệ thống dân công tiếp tế, một yếu tố quan trọng dẫn đến thắng lợi [Chiến dịch Điện Biên Phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn_Ph%E1%BB%A7). Năm 1951, ông được bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông được tặng Huân chương Quân công hạng nhì, Huân chương độc lập hạng nhất. |
| 16 | *Dương Đức Hiền* | Dương Đức Hiền (1916 - 1963), quê ở xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Ông là một trong những người sáng lập và là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Dân chủ Việt Nam. Ông đã từng giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Thanh niên trong Chính phủ cách mạng lâm thời và Chính phủ liên hiệp lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; uỷ viên Tổng bộ Việt Minh; Tổng Thư kí, Phó chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Liên Việt; Ủy viên Ban Thư kí Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông là một trong những trí thức có công lớn trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất. |
| 17 | *Trần Huy Liệu* | Trần Huy Liệu (1901 - 1969), quê ở xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là chủ bút Đông Pháp thời báo (1925), sáng lập “Cường học thư xã” (1928). Năm 1936, ông vào Đảng Cộng sản, tổ chức và biên tập các báo công khai của Đảng. Tại Đại hội quốc dân Tân Trào, ông được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng, soạn Quân lệnh số 1, ra lệnh Tổng khởi nghĩa đêm ngày 13/8/1945. Ông là người thay mặt Chính phủ lâm thời nhận ấn kiếm của Bảo Đại ở Huế (tháng 8 năm 1945). Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm Bộ trưởng Bộ Thông tin tuyên truyền, Cục trưởng Chính trị Quân uỷ, Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Hội Văn hoá cứu quốc, đại biểu Quốc hội khoá I, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch đầu tiên của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Ông là tác giả nhiều công trình lịch sử cổ - cận - hiện đại như bộ Lịch sử 80 năm chống Pháp. Ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợi I năm 1996. |
| 18 | *Mẹ Suốt* | Mẹ Suốt (1906 - 1968), tên thật là Nguyễn Thị Suốt, quê xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Trong những ngày tháng giặc Mỹ leo thang chiến tranh, bắn phá ác liệt ở các trục lộ, các bến giao thông, nhất là trên con sông huyết mạch Nhật Lệ, Mẹ Suốt đã dũng cảm chèo đò chuyên chở bộ đội, hàng hóa, vũ khí từ bờ bắc sang bờ nam, trung bình mỗi năm 1400 chuyến đò. Ngày 13/10/1968, trong một trận bắn phá ác liệt của máy bay địch, Mẹ Suốt đã hy sinh. Mẹ Suốt được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng ngành Giao thông vận tải trong chống Mỹ cứu nước. |
| 19 | *Đặng Thùy Trâm* | Đặng Thùy Trâm (1942 - 1970), quê ở Hà Nội.Bàtốt nghiệp Bác sĩ y khoa tại Trường Đại học Y khoa Hà Nội năm 1966, sau đó xung phong vào chiến trường miền Nam làm nhiệm vụ. Bác sĩ Đặng Thùy Trâm công tác tại bệnh viện huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, trong khi làm nhiệm vụ tại địa bàn đã bị địch phục kích và anh dũng hy sinh vào năm 1970. Trong hành trang để lại trước lúc hy sinh là 2 cuốn nhật ký đã được một cựu chiến binh Mỹ tên là Frederic Whitehurst từng tham chiến tại chiến trường huyện Đức Phổ tìm thấy và cất giữ. Cuốn “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” sau đó đã được Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn xuất bản và phát hành. Liệt sĩ Đặng Thùy Trâm được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 2006.  |
| 20 | *Nguyễn Thái Bình* | Nguyễn Thái Bình (1948 - 1972), quê ở xã Trường Bình, huyện [Cần Giuộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7n_Giu%E1%BB%99c), tỉnh [Long An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Long_An). Là một sinh viên ưu tú tốt nghiệp hạng danh dự ngành ngư nghiệp và công nghiệp thực phẩm tại Đại học Washington. Tại đây ông đã tham gia các hoạt động phản chiến, các cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam; viết thư gửi Tổng thống NíchXơn… Ngày 2/7/1972, trên chuyến bay trở về nước ông đã bị bắn chết tại sân bay Tân Sơn Nhất. Năm 2010, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân. Nguyễn Thái Bình là biểu tượng cho phong trào phản chiến của sinh viên miền Nam Việt Nam. |
| 21 | *Nguyễn Lương Bằng* | Nguyễn Lương Bằng (1904 - 1979), bí danh Sao Đỏ, sinh tại xã Đoàn Lâm (nay là xã Thanh Tùng), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Năm 1925, ông gặp Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu và gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Trước cách mạng tháng Tám, ông hoạt động trong phong trào công nhân ở Hải Phòng, Sài Gòn, giữ chức Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ sau cách mạng tháng Tám 1945, ông giữ nhiều trọng trách quan trọng: Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, III, IV, Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa II, III, IV, V, VI. |
| 22 | *Nguyễn Duy Trinh* | Nguyễn Duy Trinh (1910 - 1985), quê xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm 1926, ông bị thực dân Pháp bắt, kết án 18 tháng tù. Trong cao trào cách mạng 1930-1931, ông bị đày ra Côn Đảo, rồi Kom Tum. Sau khi được trả tự do năm 1945, Nguyễn Duy Trinh tiếp tục hoạt động cách mạng và nắm giữ những vị trí quan trọng trong các phong trào ở Liên khu V.Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Duy Trinh giữ nhiều chức vụ quan trọng: Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và có nhiều đóng góp to lớn vào sự tiến triển của Hội nghị Pari về vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Ông là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII. |
| 23 | *Xuân Thủy* | Xuân Thủy (1912 - 1985), tên thật là Nguyễn Trọng Nhâm, quê xã Xuân Phương, quận Từ Liêm, Hà Nội. Năm 1941, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ năm 1938 đến năm 1943, ông bị thực dân Pháp bắt nhiều lần và giam giữ ở nhiều nơi. Đầu năm 1944 ra tù, ông tiếp tục hoạt động cách mạng. Cách mạng tháng Tám thành công, ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng: Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam tại Hội nghị Paris, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư kí Hội đồng Nhà nước, Phó Chủ tịch Quốc hội. Ông là một nhà hoạt động chính trị, một nhà ngoại giao, nhà thơ và nhà báo xuất sắc của Việt Nam. |
| 24 | *Lê Trọng Tấn* | Lê Trọng Tấn (1914 - 1986), tên thật là Lê Trọng Tố, quê ở làng Yên Nghĩa, xã Nghĩa Lộ, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Ông tham gia Việt Minh từ năm 1944 và là ủy viên quân sự Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh Hà Đông từ tháng 8/1945. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954), ông lần lượt giữ nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội. Trong kháng chiến chống Mĩ, ông là Phó Tư lệnh quân giải phóng miền Nam, Tư lệnh chiến dịch đường 9 - Nam Lào, Tư lệnh chiến dịch Trị Thiên, Tư lệnh chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng, Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh... Ông từng là Viện trưởng Học viện Quân sự cao cấp, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá IV, V, đại biểu Quốc hội khoá VII. Ông mất năm 1986 tại Hà Nội. |
| 25 | *Trần Quốc Hoàn* | Trần Quốc Hoàn (1916 - 1986), tên thật là Nguyễn Trọng Cảnh, quê ở xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tháng 3/1934, ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Xứ uỷ Bắc Kỳ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, Bí thư các Liên khu uỷ khu II, Khu X. Trần Quốc Hoàn từng bị giam ở nhà tù Sơn La và là Bí thư chi bộ nhà tù Sơn La từ tháng 7/1943 đến tháng 3/1945.Ông giữ nhiều chức vụ quan trọng:Giám đốc Nha Công an Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương cho đến khi qua đời vào ngày 5/6/1986. |
| 26 | *Phạm Hùng* | Phạm Hùng (1912 - 1988), tên thật là Phạm Văn Thiện, quê ở xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Năm 1930, ông được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó, ông bị thực dân Pháp kết án khổ sai chung thân và đày ra Côn Đảo.Cách mạng tháng Tám thành công, ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II năm 1951, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Từ năm 1951 đến khi mất, ông đã giữ rất nhiều chức vụ lãnh đạo quan trọng: Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng). |
| 27 | *Phan Anh* | Phan Anh (1912 - 1990), quê ở xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trước cách mạng tháng Tám, ông đã nổi tiếng là một nhà hoạt động chính trị, xã hội.Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Ủy ban kiến thiết quốc gia, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ Liên hiệp, Tổng thư kí phái đoàn chính phủ dự Hội nghị Phôngtenblô, Bộ trưởng Kinh tế, Bộ trưởng Thương nghiệp, Bộ trưởng Ngoại thương...Sau khi đất nước thống nhất, ông được cử làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông cũng là một trong những người sáng lập Hội luật gia Việt Nam. |
| 28 | *Lê Đức Thọ* | Lê Đức Thọ (1911 - 1990), tên thật là Phan Đình Khải, quê làng Dịch, xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ sớm, trải qua hết nhà lao Côn Đảo, Hà Nội, Sơn La đến Hòa Bình. Cuối năm 1944, sau khi ra tù, ông đảm nhiệm nhiều trọng trách quan trọng của Đảng. Từ năm 1968, ông được giao phụ trách công tác đấu tranh ngoại giao, làm Cố vấn đặc biệt của đoàn đại biểu Chính phủ tại Hội nghị Paris. Sau Hiệp định Paris, ông được cử làm Trưởng ban miền Nam của Trung ương và tham gia chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và chiến dịch Hồ Chí Minh. Ông đã giữ các chức vụ quan trọng: Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban tổ chức Trung ương, Thường trực Ban Bí thư. Ông được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương cao quý. |
| 29 | *Lê Thiết Hùng* | Lê Thiết Hùng (1908 - 1986), tên thật là Lê Văn Nghiệm, quê xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ông sớm giác ngộ cách mạng và tham gia Việt Minh, là một trong những cán bộ quân sự chủ chốt đầu tiên của Chính phủ lâm thời [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Năm 1948, ông được phong hàm Thiếu tướng. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như: Tư lệnh trưởng pháo binh, kiêm Hiệu trưởng trường Sĩ quan pháo binh, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Bí thư Đảng ủy CP-48, Phó Trưởng ban đối ngoại Trung ương... Do những cống hiến xuất sắc, ông được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác. |
| 30 | *Lê Quảng Ba* | Lê Quảng Ba (1914 - 1988), tên thật là Đoàn Văn Mông, dân tộc Tày, quê ở xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.Ông là một trong những người đã đưa Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ biên giới về nước tháng 2/1941, là cán bộ chịu trách nhiệm chuẩn bị nơi ăn, ở, nơi họp và bảo vệ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (1941). Ông từng giữ các chức vụ: Khu trưởng quân khu Hà Nội, Thiếu tướng Tư lệnh quân khu Việt Bắc, Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khóa III, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban Dân tộc Trung ương, Chủ nhiệm ủy ban Dân tộc Chính phủ.v.v... Ông đã được tặng thưởng nhiều huân chương cao quý. |
| 31 | *Phạm Huy Thông*  | Phạm Huy Thông (1916 - 1988), quê ở làng Đào Xá, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Ông một nhà khoa học, cũng là một nhà hoạt động chính trị và nhà hoạt động xã hội**.** Sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật ở Hà Nội, ông sang Pháp du học. Năm 1946, ông được chọn là thư ký cho Hồ Chủ tịch khi Người sang Pháp và là thư ký của phái đoàn Chính phủ tại Hội nghị Phôngtennơblô. Năm 1952, ông bị Chính quyền Pháp trục xuất về nước và quản chế tại Sài Gòn. Từ năm 1956-1967, ông được phong Giáo sư, Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ năm 1968, ông là Viện trưởng Viện Khảo cổ, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam.  |
| 32 | *Huỳnh Tấn Phát* | Huỳnh Tấn Phát (1913 - 1989), quê ở xã Châu Hưng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Năm 1944, ông là Chủ nhiệm tờ tuần báo Thanh Niên, cơ quan ngôn luận của giới trí thức trẻ. Năm 1945, ông gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam và từ đó đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng, Chính phủ như: Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam (1969 - 1976), Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| 33 | *Hoàng Thế Thiện* | Hoàng Thế Thiện (1922 - 1995),tên thật là Lưu Văn Thi, quê ở quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ông tham gia cách mạng năm 1940 và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ quan trọng trong quân đội, trong đó làm Chính ủy Đoàn 559, Chính ủy Quân đoàn 4, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Đất nước thống nhất, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Chủ nhiệm Tổng cục xây dựng kinh tế. Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng, kiêm Trưởng ban B68, Phó Trưởng đoàn, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam tại Campuchia, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV. |
| 34 | *Hoàng Minh Giám* | Hoàng Minh Giám (1904 - 1995), quê ở xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, ông được bổ dụng làm Giáo sư Trường Trung học Xixôvat tại Phnôm Pênh (Campuchia). Từ năm 1928 đến năm 1931, ông dạy học ở Sài Gòn, sau đó ra Hà Nội dạy tại Trường tư thục Thăng Long, đồng thời tham gia viết bài cho các tờ báo tiến bộ. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông làm việc ở Bộ Nội vụ, sau đó giữ chức Thứ trưởng, rồi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.Hòa bình lập lại, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Văn hóa trong nhiều năm. Ông là đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII. |
| 35 | *Nguyễn Hữu Thọ* | Nguyễn Hữu Thọ (1910 - 1996), sinh tại làng Long Phú, tổng Long Hưng Hạ, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Năm 1930, ông học Luật ở Pari (Pháp). Năm 1948, ông tham gia Mặt trận Liên Việt và năm 1949 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đầu những năm 50, ông hoạt động tích cực trong phong trào trí thức Việt Nam đấu tranh phản đối sự can thiệp của Mỹ vào Đông Dương và bị thực dân Pháp bắt giam, đến tháng 1/1952 mới được trả tự do. Sau đó ông lại tham gia phong trào bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn – Chợ Lớn, bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam năm 1954. Năm 1961, ông được giải thoát và hộ tống về Trung ương cục miền Nam. Ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Ông là Phó Chủ tịch nước từ năm 1976-1980, quyền Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng nhà nước, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| 36 | *Võ Chí Công* | Võ Chí Công (1912 - 2000), tên thật là Võ Toàn, quê ở xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1930, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1935. Năm 1943, ông giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Nam. Từ 1945-1976 ông tham gia hoạt động cách mạng và giữ nhiều chức vụ quan trọng: Phó Ban Tổ chức cán bộ và thanh tra Quân khu 5, Bí thư Khu uỷ khu 5, Phó Bí thư Trung ương cục miền Nam, Phó Chủ tịch Uỷ ban Trung ương [Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_D%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam), Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Từ 1987 - 1991, ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Ông được tặng thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. |
| 37 | *Lê Quang Đạo* | Lê Quang Đạo (1921 - 1999), tên thật là Nguyễn Đức Nguyện, quê phường [Đình Bảng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%ACnh_B%E1%BA%A3ng), thị xã [Từ Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_S%C6%A1n), tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh).Năm 17 tuổi ông đã tham gia Đoàn Thanh niên dân chủ, rồi Thanh niên phản đế. Năm 19 tuổi, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông được giao nhiều trọng trách quan trọng: Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh (1941 - 1943); Xứ ủy viên, Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Bí thư Thành ủy Hà Nội (1943 - 1944); Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang, trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa ở Bắc Giang từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1945. Với vai trò là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, ông đã về Bắc Giang hoạt động tích cực trong bối cảnh cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc ở Bắc Giang đang diễn ra sôi động, góp phần quan trọng đưa phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng, sâu rộng và Bắc Giang là một trong những tỉnh giành chính quyến sớm nhất cả nước trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ông còn giữ nhiều chức vụ quan trọng: Nguyên [Chủ tịch Quốc hội Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_Qu%E1%BB%91c_h%E1%BB%99i_Vi%E1%BB%87t_Nam), [Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B3_Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_Vi%E1%BB%87t_Nam) ([1987](https://vi.wikipedia.org/wiki/1987) - [1992](https://vi.wikipedia.org/wiki/1992)). |
| 38 | *Văn Tiến Dũng* | Văn Tiến Dũng (1917 - 2002), bí danh Lê Hoài, quê ở xã Cổ Nhuế, huyện [Từ Liêm](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_Li%C3%AAm), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i). Ông từng là Ủy viên [Bộ Chính trị](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), [Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) ([1953](https://vi.wikipedia.org/wiki/1953)-[1978](https://vi.wikipedia.org/wiki/1978)), [Bộ trưởng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng) [Bộ Quốc phòng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Qu%E1%BB%91c_ph%C3%B2ng_%28Vi%E1%BB%87t_Nam%29) ([1980](https://vi.wikipedia.org/wiki/1980)-[1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986)), [Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%AD_th%C6%B0_Qu%C3%A2n_%E1%BB%A7y_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%28Vi%E1%BB%87t_Nam%29) ([1984](https://vi.wikipedia.org/wiki/1984)-[1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986)), [Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_t%C6%B0%E1%BB%9Bng_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam), người chỉ huy trực tiếp [chiến dịch Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) năm [1975](https://vi.wikipedia.org/wiki/1975). Từ năm 1938 đến năm 1945, ông đã cùng với nhiều đồng chí thường xuyên về tuyên truyền và chỉ đạo phong trào cách mạng tại An toàn khu II (ATK II) Hiệp Hòa - Bắc Giang, cùng với Ban Thường vụ Trung ương xây dựng ATK II của Trung ương Đảng trên địa bàn các xã giáp ranh 3 huyện Hiệp Hoà của tỉnh Bắc Giang, Phổ Yên và Phú Bình của tỉnh Thái Nguyên. ATK II Hiệp Hòa đã trở thành một địa chỉ đỏ gắn với sự nghiệp cách mạng của Đảng, là nơi nuôi giấu, bảo vệ an toàn cho cán bộ cấp cao của Đảng.  |
| 39 | *Vũ Ngọc Nhạ* | Vũ Ngọc Nhạ (1928 - 2002), quê ở xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông là một trong những huyền thoại trong ngành [tình báo](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ACnh_b%C3%A1o) [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông nổi tiếng với biệt danh “Ông cố vấn” vì từng làm cố vấn cho một số chính trị gia cao cấp của [Việt Nam Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Vũ Ngọc Nhạ có nhiều tên gọi như Pièrre Vũ Ngọc Nhạ ([tên Thánh](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AAn_Th%C3%A1nh)), Vũ Ngọc Nhã, Hoàng Đức Nhã, Vũ Đình Long (còn gọi là Hai Long), hay như bí danh Lê Quang Kép. Ông được phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam và được tặng thưởng nhiều huân huy chương cao quý. |
| 40 | *Võ Văn Kiệt* | Võ Văn Kiệt (1922 - 2008), tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, Chín Dũng, quê ở xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông là ủy viên Thường vụ Trung ương cục miền Nam, Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước; Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; [Thủ tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%A7_t%C6%B0%E1%BB%9Bng_Vi%E1%BB%87t_Nam) Chính phủ. Ông được đánh giá là người đã đẩy mạnh công cuộc [Đổi mới](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%95i_m%E1%BB%9Bi) và cải cách [chính sách](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_s%C3%A1ch) ở Việt Nam kể từ năm [1986](https://vi.wikipedia.org/wiki/1986), là "tổng công trình sư" nhiều dự án của thời kỳ đổi mới. |
| 41 | *Song Hào* | Song Hào (1917 - 2004), tên thật là Nguyễn Văn Khương, quê ở xã Hào Kiệt (nay là xã Liên Minh), huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông là một vị tướng tài năng về chính trị và quân sự. Ông giữ các chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Thương binh và Xã hội, Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra trung ương. Năm 1974 Ông được phong Thượng tướng. |
| 42 | *Trần Văn Giàu* | Trần Văn Giàu (1911 - 2010), quê xã An Lục Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông được bầu Bí thư xứ ủy Nam Kỳ (1943), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam bộ (1945), đã phát động thành công khởi nghĩa giành chính quyền tại Nam Bộ. Ông đảm nhiệm những chức vụ như: Tổng giám đốc Nha Thông tin Bộ Nội vụ, Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Năm 1956, ông được Nhà nước phong học hàm Giáo sư đợt đầu tiên. Những năm 1962 - 1975, ông công tác tại Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. |

b. Danh nhân văn hóa, nghệ thuật, khoa học (37)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Nguyễn An Ninh* | Nguyễn An Ninh (1900 - 1943), quê ở huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1920, ông đỗ cử nhân Luật tại Pháp. Năm 1923, ông về nước, hoạt động cách mạng, diễn thuyết và ra báo “*Chuông rè”* bằng tiếng Pháp tại Sài Gòn. Năm 1926, ông bị chính quyền thực dân bắt giam hai năm. Sau khi ra tù, ông sáng lập Thanh niên Cao vọng Đảng. Cuối năm 1928, ông lại bị thực dân Pháp bắt giam. Cuối năm 1932, sau khi ra tù, ông lập tờ báo công khai bằng tiếng Pháp La Tutte (Tranh đấu). Ông đã phát động phong trào “Đông Dương đại hội”,một phong trào đấu tranh cách mạng mang tính quần chúng rộng rãi. Tháng 10/1939, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án 5 năm tù. Do kiệt sức vì bị hành hạ ở nhà tù Côn Đảo, ông hy sinh ngày 14/8/1943. |
| 2 | *Hàn Mặc Tử* | Hàn Mặc Tử (1912 - 1940), tên thật là Nguyễn Trọng Trí, quê ở làng Lệ Mỹ, huyện Đồng Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình). Hàn Mặc Tử làm thơ sớm, 16 tuổi đã làm thơ Đường luật đăng báo với bút danh Minh Duệ Thị. Ông là [nhà thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%C6%A1) nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).Ông sử dụng nhiều bút danh: Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn Mặc Tử. Một số tác phẩm nổi tiếng của ông như: *Lệ Thanh thi tập, Gái quê, Đau thương, Xuân như ý...* |
| 3 | *Dương Quảng Hàm* | Dương Quảng Hàm (1898 - 1946), quê ở làng Phú Thị, xã Mễ Sở, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Năm 1920, ông tốt nghiệp thủ khoa trường Cao đẳng Sư phạm. Từ năm 1920 đến 1946, ông làm giáo viên trường Bưởi (tiền thân của trường Chu Văn An ngày nay). Sau Cách mạng tháng Tám, ông được bổ nhiệm làm Tổng thanh tra Trung học Bộ Giáo dục, rồi làm Hiệu trưởng của trường Bưởi. Trong hơn 20 năm (1920 - 1945), Dương Quảng Hàm vừa giảng dạy, vừa viết sách giáo khoa văn học và sử học từ bậc tiểu học đến trung học bằng tiếng Pháp và tiếng Việt. Riêng tác phẩm Việt Nam văn học sử yếu được Bộ Quốc gia Giáo dục nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chính thức dùng làm sách giáo khoa chương trình lớp 10 trong nhiều năm liền. |
| 4 | *Nguyễn Văn Tố* | Nguyễn Văn Tố (1889 - 1947), quê ở Hà Đông, Hà Nội. Ông là một trí thức yêu nước, một nhà sử học uyên bác, từng làm Hội trưởng Hội Trí Tri, Hội Truyền bá Quốc ngữ trước năm 1945. Các công trình trước tác chữ Quốc ngữ và chữ Pháp có giá trị của ông, phần lớn in trong tập *Kỷ yếu Hội Trí Tri, Tập san trường Viễn đông bác cổ, Tạp chí Tri Tân…* Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Bộ trưởng Cứu tế xã hội trong Chính phủ lâm thời, được bầu làm đại biểu Quốc hội (1946) và là Trưởng ban thường trực Quốc hội khóa I, Bộ trưởng không bộ (tức Quốc vụ khanh) trong Chính phủ liên hiệp quốc dân. Cuối năm 1946, ông cùng cơ quan theo Chính phủ lên An toàn khu ở Bắc Cạn. Năm 1947, quân Pháp tiến công lên Việt Bắc, nhảy dù xuống Bắc Cạn, cơ quan ông bị mắc kẹt trong gọng kìm của giặc. Ông hi sinh ngày 7/10/1947 tại Việt Bắc. |
| 5 | *Tô Ngọc Vân* | Tô Ngọc Vân (1906 - 1954), là họa sĩ nổi tiếng ngườiHà Nội. Ông là tác giả của nhiều bức tranh tiêu biểu cho nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Ông có biệt tài vẽ phong cảnh và phụ nữ. Bức tranh *“Cô gái bên hoa huệ”* được gọi là đỉnh cao của nghệ thuật này. Ông vẽ nhiều tác phẩm sơn dầu, sơn mài, lụa, ghi lại hình ảnh những con người bình thường mà cao đẹp như lão dân quân, chị cốt cán, bà lão nông dân, anh chiến sĩ... Ông đã hi sinh trong những ngày cuối cùng của chiến dịch Điện Biên Phủ. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật. |
| 6 | *Hải Triều* | Hải Triều (1908 - 1954), tên thật là Nguyễn Khoa Văn, quê ở An Cựu, thành phố Huế. Ông tham gia Đảng Tân Việt, sau đó được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương. Năm 1931, ông bị bắt và bị kết án 9 năm khổ sai và 8 năm quản thúc. Đến tháng 7/1932, ông được trả tự do. Ra tù, ông lại viết bài cho các báo hợp pháp để tuyên truyền các quan điểm của Đảng. Tháng 8/1940, ông bị thực dân Pháp bắt đi an trí tại huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, ông được tự do và tham gia vào tổng khởi nghĩa ở Huế.Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, ông là Giám đốc Sở Tuyên truyền liên khu IV và là Ủy viên Ban chấp hành chi hội văn nghệ Liên khu. Ông bị ốm nặng và mất năm 1954. |
| 7 | *Phạm Ngọc Thạch* | Phạm Ngọc Thạch (1909 - 1968), quê ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông vào Đảng năm 1945, tham gia tổ chức và lãnh đạo Thanh niên tiền phong, góp phần vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Trong kháng chiến chống Pháp và sau khi hòa bình lập lại, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Bộ trưởng Bộ Y tế, Viện trưởng Viện chống lao Trung ương... Tháng 11/1968, ông đã hi sinh trong khi đang nghiên cứu các vấn đề y tế tại chiến trường miền Nam. Ông được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh vì các cống hiến trong lĩnh vực khoa học.  |
| 8 | *Nguyễn Huy Tưởng* | Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960), quê xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Ông là [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n), [nhà viết kịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_vi%E1%BA%BFt_k%E1%BB%8Bch) [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) nổi tiếng. Ông là tác giả của những tiểu thuyết lịch sử, vở kịch lớn như: [*Vũ Như Tô*](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9_Nh%C6%B0_T%C3%B4)*,*[*Đêm hội Long Trì*](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%AAm_h%E1%BB%99i_Long_Tr%C3%AC)*,*[*Bắc Sơn*](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%AFc_S%C6%A1n_(k%E1%BB%8Bch)&action=edit&redlink=1)*,*[*Sống mãi với thủ đô*](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=S%E1%BB%91ng_m%C3%A3i_v%E1%BB%9Bi_th%E1%BB%A7_%C4%91%C3%B4&action=edit&redlink=1)*…* Ngoài ra, ông còn sáng tác nhiều truyện lịch sử cho thiếu nhi: *An Dương Vương xây thành ốc, Hai bàn tay chiến sĩ, Lá cờ thêu sáu chữ vàng...* Ông là người sáng lập và Giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản Kim Đồng. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. |
| 9 | *Đặng Văn Ngữ* | Đặng Văn Ngữ (1910 - 1967)*,* quê ở làng An Cựu, thành phố Huế. Ông là nhà khoa học, bác sĩ đầu ngành nghiên cứu về ký sinh trùng ở Việt Nam. Lúc trẻ ông học ở Huế, sau đó tốt nghiệp trường Đại học Y khoa Hà Nội, ông được cử sang Nhật học. Trong quá trình học tập và nghiên cứu, ông đã tìm ra nấm Penicillin. Năm 1945, ông về nước phục vụ kháng chiến. Ông chế ra Penicillin tiêu diệt bệnh sốt rét... Ông vào tận các chiến trường, đến những nơi có bệnh sốt rét hoành hành để nghiên cứu và chế thuốc điều trị cho bộ đội. Tháng 4/1967, ông hy sinh ở chiến trường Thừa Thiên - Huế. Ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 về y học. |
| 10 | *Hoàng Việt* | Hoàng Việt (1928 - 1967), tên thật Lê Chí Trực, quê ở Chợ Lớn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Ông có năng khiếu và đam mê âm nhạc nên sáng tác từ khi còn ít tuổi. Ông có nhiều tác phẩm âm nhạc bất hủ gắn liền với 2 cuộc kháng chiến của dân tộc (Bản giao hưởng Quê hương, Lá xanh, Lên ngàn, Tình ca....). Ngày 31/12/1967, ông hy sinh tại chiến trường Nam bộ. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Năm 2011, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| 11 | *Nguyễn Thi* | Nguyễn Thi (1928 - 1968), tên thật là Nguyễn Ngọc Tấn, bút danh Nguyễn Thi, Nguyễn Hoàng Ca, quê xã Quần Phương Thượng (nay là xã Hải Anh), huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ông là tác giả của các tác phẩm nổi tiếng như: *Đôi bạn (1960), Người mẹ cầm súng (1960)....*Năm 2000, ông được truy tặng [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) về văn học nghệ thuật. |
| 12 | *Nguyễn Văn Huyên* | Nguyễn Văn Huyên (1905 - 1975), quê ở phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay thuộc huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội). Là [Giáo sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_s%C6%B0), [Tiến sĩ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFn_s%C4%A9), [nhà sử học](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nh%C3%A0_s%E1%BB%AD_h%E1%BB%8Dc&action=edit&redlink=1), [nhà dân tộc học](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nh%C3%A0_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c_h%E1%BB%8Dc&action=edit&redlink=1), [nhà giáo dục](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nh%C3%A0_gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c&action=edit&redlink=1), nhà nghiên cứu [văn hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a) [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ văn khoa tại Đại học Sorbonne, Paris. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Giám đốc Đại học vụ, Bộ Quốc gia giáo dục kiêm Giám đốc Viện Bác cổ. Từ năm 1946, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) của Chính phủ liên hiệp kháng chiến Việt Nam dân chủ cộng hòa. Ông là đại biểu Quốc hội Việt Nam từ khoá II đến khoá VII, ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| 13 | *Lê Anh Xuân* | Lê Anh Xuân (1940 - 1968), tên thật là Ca Văn Hiến. Quê ởXã Tân Bình, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Ông sớm tiếp xúc với văn thơ từ nhỏ. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, học trường Học sinh miền Nam, sau đó học Đại học Tổng hợp Hà Nội. Được cử ra nước ngoài học, nhưng ông tình nguyện vào Nam chiến đấu, công tác trong ngành Văn nghệ giải phóng. Ngoài làm thơ ông còn viết cả văn xuôi, tác phẩm thơ nổi tiếng: *Dáng đứng Việt Nam.* Ông hy sinh năm 1968. Năm 2001, ông được truy tặng giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |
| 14 | *Hồ Đắc Di* | Hồ Đắc Di (1900 - 1984), quê ở Huế. Năm 1918, ông sang Pháp du học, sau đó thi vào Trường Đại học Y Pari. Trước Cách mạng tháng Tám, ông là giáo sư duy nhất người Việt là hiệu trưởng của trường Đại học Y khoa Hà Nội đến năm 1972. Ông không những là một thầy thuốc tài giỏi mà còn là một nhà sư phạm lớn đào tạo nhiều thế hệ ngành y tài giỏi của đất nước. Ông cũng nhiều năm là đại biểu Quốc hội. Giáo sư Hồ Đắc Di đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học kỹ thuật và nhiều Huân chương cao quý khác. |
| 15 | *Lương Định Của* | Lương Định Của (1920 - 1975), quê ở huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, ông được người bác đưa sang Trung Quốc nuôi ăn học. Ông thi đỗ trường Đại học tổng hợp ở Nhật Bản. Sau khi tốt nghiệp, ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ nông học, khoa di truyền chọn giống. Với tình yêu quê hương, đất nước, từ Nhật Bản ông cùng với gia đình trở về phục vụ Tổ quốc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông đã cống hiến tài năng cho nền nông nghiệp nước nhà.Ông giành cả cuộc đời để lai tạo các loại giống cây trồng, đặt nền móng cho nền khoa học nông nghiệp Việt Nam, trở thành Viện trưởng Viện Cây lương thực và thực phẩm, được phong Anh hùng Lao động năm 1967 và được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1995. |
| 16 | *Hoài Thanh* | Hoài Thanh (1909 - 1982), tên thật là Nguyễn Đức Nguyên, quê ở huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Ông là nhà nghiên cứu và phê bình văn học. Ông viết chung với Hoài Chân cuốn *Thi nhân Việt Nam* (1941). Sau Cách mạng tháng Tám, ông có nhiều tác phẩm có giá trị: *Có một nền văn hóa Việt Nam, Quyền sống con người trong Truyện Kiều, Nói chuyện thơ kháng chiến, Chuyện thơ…*Tập *Phê bình và tiểu luận*. Ông cũng nghiên cứu văn học cổ Việt Nam, qua các tác phẩm *Chinh phụ ngâm, Truyện Kiều, Hoa Tiên, Phan Trần…*Ông còn là là Tổng thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, kiêm Viện phó Viện Văn học, là đại biểu Quốc hội khóa II. |
| 17 | *Đặng Thai Mai* | Đặng Thai Mai (1902 - 1984), quê ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông là giáo sư, nhà giáo, nhà văn, nhà phê bình văn học Việt Nam. Ông là một trong những người sáng lập phong trào truyền bá quốc ngữ. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông đã giữ nhiều chức vụ: Bộ trưởng Bộ Giáo dục Chính phủ liên hiệp kháng chiến (1946), sau đó là Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hoá. Hoà bình lập lại (1954), ông tiếp tục đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng: Giám đốc Đại học Sư phạm Vǎn khoa, Viện trưởng Viện Vǎn học Việt Nam, Chủ tịch Hội liên hiệp Vǎn học Nghệ thuật Việt Nam. Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá V. |
| 18 | *Đào Duy Anh* | Đào Duy Anh **(1904 - 1988)**, quê ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, nay là thành phố Hà Nội. Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hóa cứu quốc Trung Kỳ, Giáo sư Đại học Văn khoa Hà Nội, Chủ nhiệm khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Sư phạm. Sau đó, ông công tác tại Viện Sử học thuộc Ủy ban Khoa học xã hội. Đào Duy Anh là một học giả có kiến thức rộng, là tác giả nhiều công trình học thuật sáng tác về ngôn ngữ học, văn học, sử học…Các tác phẩm của ông là một đóng góp lớn cho nền văn học, sử học Việt Nam. |
| 19 | *Tạ Quang Bửu* | Tạ Quang Bửu (1910 - 1986), quê xã Nam Hoành, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông là g[iáo sư](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_s%C6%B0), nhà khoa học, người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và [công nghệ quân sự](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_ngh%E1%BB%87_qu%C3%A2n_s%E1%BB%B1) Việt Nam.Tạ Quang Bửu từng học tại trường Điện cao cấp (Pháp) và trường Đại học Oxford ở Anh, có bằng Toán học cao cấp Pháp. Ông từng giữ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Uỷ viên Quân sự Uỷ viên hội; thành viên trong phái đoàn Chính phủ tại Hội nghị Phôngtennơblơ (1946), Hội nghị Giơnevơ (1954). Sau Hoà bình lập lại, Tạ Quang Bửu giữ nhiều chức vụ trong Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khóa VI. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh. |
| 20 | *Thế Lữ* | Thế Lữ (1907 - 1989), tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, quê xã Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ông sớm nổi trong phong trào Thơ mới và là một trong những người đầu tiên đầu tiên đưa kịch nói lên sân khấu. Kháng chiến chống Pháp, ông chuyển sang hoạt động sân khấu, phụ trách Đoàn sân khấu Việt Nam, Trưởng Đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị, Trưởng đoàn Văn công Trung ương.Hòa bình lập lại, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam và Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa II. Ông có nhiều tác phẩm nổi tiếng như: *Mấy vần thơ, Vàng và máu, Bên đường thiên lôi, Đề Thám, Cụ Đạo sư ông, Người chiến sĩ chồng tôi, Đợi chờ, Lửa vàng...*Ông được tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý, truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. |
| 21 | *Lưu Quang Vũ* | Lưu Quang Vũ (1948 - 1988), quê ở xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Ông là nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà văn hiện đại xuất sắc. Các tác phẩm của ông giàu tính hiện thực và nhân văn, được dàn dựng thành công như các vở kịch: *“Hồn Trương Ba da hàng thịt”, “Tôi và chúng ta”, “Tin ở hoa hồng”, “Bệnh sĩ”, “Ông không phải bố tôi”…* Lưu Quang Vũ qua đời trong một tai nạn giao thông năm 1988. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 2 (năm 2000) về nghệ thuật sân khấu. |
| 22 | *Hoàng Ngọc Phách* | Hoàng Ngọc Phách (1896 - 1973), hiệu là Song Anh, quê ở xã Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh. Ông nổi tiếng nhất với tiểu thuyết Tố Tâm, được đánh giá là một trong những tiểu thuyết hiện đại đầu tiên của Việt Nam. Ngoài viết tiểu thuyết, Hoàng Ngọc Phách còn có một số công trình nghiên cứu lý luận, đề cao bản sắc văn hoá dân tộc của người Việt. |
| 23 | *Chế Lan Viên* | Chế Lan Viên (1920 - 1989), tên thật là Phan Ngọc Hoa, quê ở xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông là nhà thơ có quan niệm thơ và phong cách nghệ thuật độc đáo, có ảnh hưởng đáng kể đến thơ Việt Nam hiện đại. Ông là đại biểu Quốc hội khóa IV, V, VI, VII. Các tác phẩm nổi tiếng của ông như: *Điêu tàn, Gửi các anh, Ánh sáng và phù sa, Hoa ngày thường, Chim báo bão, Những bài thơ đánh giặc, Đối thoại mới, Hái theo mùa, Hoa trên đá, Thư gửi cho mình...* Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật. |
| 24 | *Lê Văn Thiêm* | Lê Văn Thiêm (1918 - 1991), quê ở xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, là người Việt Nam đầu tiên nhận bằng Tiến sĩ quốc gia về Toán của nước Pháp và trở thành giáo sư tại trường Đại học Zurich (Thụy Sỹ). Ông là người có công lớn trong việc xây dựng và phát triển các ngành khoa học tự nhiên, đặc biệt là toán học. Ông là Đại diện toàn quyền của Việt Nam tại Viện Liên hợp nghiên cứu nguyên tử Đúpna, Ủy viên Ủy ban khoa học nhà nước, Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam. Ông được tặng thưởng: Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương chống Mỹ hạng nhất và Giải thưởng Hồ Chí Minh. |
| 25 | *Lưu Hữu Phước* | Lưu Hữu Phước (1921 - 1989), bút danh khác: Huỳnh Minh Siêng, Long Hưng, Anh Lưu, Hồng Chí. Quê ở quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc thành phố Cần Thơ). Ông là một nhạc sỹ lớn, tác giả của những bản hùng ca, gắn với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc như: Tiếng gọi Thanh Niên, Lên Đàng, Hồn sỹ tử, Ca ngợi Hồ Chủ Tịch, Tiến về Sài Gòn, Giải phóng miền Nam… Ông là Giáo sư, Viện sỹ thông tấn của Viện Hàn lâm Nghệ thuật [Cộng hòa dân chủ Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_%C4%90%E1%BB%A9c), Nhà lý luận âm nhạc; nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin Văn hóa của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; nguyên Đại biểu Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục của Quốc hội.  Ông đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 năm 1996. |
| 26 | *Bùi Xuân Phái* | Bùi Xuân Phái (1921 - 1988), quê ở xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội). Ông là họa sĩ nổi danh về những bức tranh về phố phường và cảnh sinh hoạt thường ngày ở Hà Thành với biệt danh *“Phố Phái”*. Các tác phẩm của ông biểu hiện sâu xa tâm hồn người Việt. Năm 1996, ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh. Năm 1997 ông được truy tặng Huy chương vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam. |
| 27 | *Ngô Gia Khảm* | Ngô Gia Khảm (1912 - 1990), quê ở xã [Tam Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_S%C6%A1n), thị xã [Từ Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_S%C6%A1n), tỉnh [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh). Năm 1928, ông tham gia hoạt động Cách mạng. Năm 1936, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, ông bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà tù Sơn La. Trong tù ông vẫn giữ vững tinh thần đấu tranh, có lần tuyệt thực đến 11 ngày, buộc địch phải thả tự do cho ông. Ra tù ông lại tiếp tục hoạt động chống Pháp. Năm 1944, ông là một trong những người đầu tiên xây dựng và là Quản đốc xưởng quân giới ở Chiến khu Việt Bắc. Từ năm 1945 đến năm 1954, ông đã đào tạo được nhiều công nhân quân giới, sản xuất nhiều thuốc nổ, phục vụ kháng chiến. Năm 1952, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. |
| 28 | *Lưu Trọng Lư* | Lưu Trọng Lư (1912 - 1991), quê ở xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông sớm nổi tiếng trên lĩnh vực thi ca, là một trong những nhà thơ khởi xướng [phong trào Thơ mới](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%A1_m%E1%BB%9Bi). Sau cách mạng tháng Tám, ông tham gia hội Văn hóa cứu quốc ở Huế. Hòa bình lập lại, ông công tác ở Bộ Văn hóa và một thời gian dài giữ chức Tổng Thư kí Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Ông có rất nhiều tác phẩm từ thơ, văn đến kịch thơ như: *Người sơn nhân, Tiếng thu, O đi tiếp tế, Ngò cải đơm hoa, Chiến khu Thừa Thiên, Tỏa sáng đôi bờ, Người con gái sông Gianh, Từ đất này, Mùa thu lớn, Hồng Gấm, Tuổi hai mươi...* Năm [2000](https://vi.wikipedia.org/wiki/2000), ông được truy tặng [Giải thưởng Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A3i_th%C6%B0%E1%BB%9Fng_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) về văn học nghệ thuật. |
| 29 | *Nguyễn Gia Trí* | Nguyễn Gia Trí (1908 - 1993), sinh ở Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Họa sĩ Nguyễn Gia Trí cùng với Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tường Lân, Trần Văn Cẩn là một trong bốn cây đại thụ của nền mĩ thuật Việt Nam. Ông được xem là “cha đẻ của những bức tranh sơn mài tân thời Việt Nam”, người đã đưa kỹ thuật vẽ tranh sơn mài lên đỉnh cao. Các tác phẩm nổi tiếng của ông: *Dọc mùng, Vườn xuân Bắc Trung Nam, Cảnh nông thôn, Thiếu nữ bên cây phù dung*. Ông còn là nhà biếm họa sắc sảo với bút danh Rai tơ với nhiều bức tranh châm biếm chế độ thực dân phong kiến. Năm 2012, ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh. Tác phẩm của Nguyễn Gia Trí đã được chỉ định là Bảo vật quốc gia, vì thế không được phép rời khỏi Việt Nam. |
| 30 | *Trần Văn Cẩn* | Trần Văn Cẩn ([1910](https://vi.wikipedia.org/wiki/1910) - [1994](https://vi.wikipedia.org/wiki/1994)), quê ở huyện Kiến An, Hải Phòng. Trước năm 1945, ông có nhiều tác phẩm tiêu biểu như: *“Em Thuý”, “Gội đầu”, “Xuống đồng”*. Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia tích cực vào các hoạt động hội họa phục vụ kháng chiến và giảng dạy, từng là Hiệu trưởng trường Mỹ thuật Việt Nam, Viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm Mỹ thuật Đức. Ông cũng là người chỉnh sửa mẫu phác thảo [Quốc huy Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_huy_Vi%E1%BB%87t_Nam) thành dạng hoàn chỉnh như ngày nay. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. |
| 31 | *Hoàng Đạo Thuý* | Hoàng Đạo Thuý (1900 - 1994), quê ở xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông tham gia cách mạng năm 1945, dạy học, viết sách báo, hoạt động trong các phong trào truyền bá Quốc ngữ, cứu tế xã hội, hướng đạo. Ông giữ các chức vụ quan trọng của Đảng và quân đội như: Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc Bộ Quốc phòng, Giám đốc Trường võ bị Trần Quốc Tuấn, Cục trưởng Cục Giao thông công binh, Cục trưởng cục Quân huấn Bộ Tổng Tham mưu, Trưởng ban Thông tin Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ông là tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử, nghiên cứu văn hóa có giá trị. Ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất. |
| 32 | *Trần Đại Nghĩa* | Trần Đại Nghĩa (1913 - 1997), tên thật là Phạm Quang Lễ, quê ở xã Hoà Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông là nhà khoa học yêu nước, danh nhân nổi tiếng của Việt Nam và thế giới. Ông tham gia kháng chiến, được phong Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Quân giới, sáng chế ra súng không giật SKZ, Bazoca; là Viện sĩ Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước. Các công trình nghiên cứu của ông được quốc tế đánh giá cao, được ứng dụng rộng rãi trong [quân đội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động, giải thưởng Hồ Chí Minh. |
| 33 | *Nguyễn Lân* | Nguyễn Lân (1906 - 2003), quê huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Giáo sư, nhà giáo nhân dân Nguyễn Lân là người góp phần to lớn trong việc đặt nền móng cho sự ra đời chính thức nền khoa học giáo dục nước ta sau năm 1945 với các công trình: *Lịch sử giáo dục học thế giới* (1958); *Giảng dạy trên lớp, Giáo trình giáo dục học* (1961, viết chung), *Công tác chủ nhiệm lớp* (1962), *Quy chế thực tập sư phạm* (1962, viết chung)… Ông đã viết một số cuốn từ điển quy mô đồ sộ: *Từ điển chính tả phổ thông, Thuật ngữ tâm lý giáo dục, Từ điển Pháp – Việt, Từ điển Thành ngữ - tục ngữ Việt Nam, Từ điển Từ và ngữ Việt Nam, Từ điển Việt – Pháp.* Ông được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương và được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh. |
| 34 | *Huy Cận* | Huy Cận (1919 - 2005), tên thật là Cù Huy Cận, quê ở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào thơ Mới. Ông từng giữ các chức vụ: Bộ trưởng Bộ Canh nông của Chính phủ liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ủy viên Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Bộ trưởng đặc trách Văn hóa Thông tin trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Ông để lại các tập thơ nổi tiếng như: Lửa Thiêng (1940), Kinh cầu tự (1942), Vũ trụ ca, Trời mỗi ngày lại sáng (1958), Đất nở hoa (1960), Hai bàn tay em (thơ thiếu nhi, 1967), Chiến trường gần đến chiến trường xa (1973), Những người mẹ, những người vợ (1974), Ngôi nhà giữa nắng (1978), Hạt lại gieo (1984)... Ông được phong tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996) về Văn học nghệ thuật và Huân chương Sao Vàng (2005). |
| 35 | *Nguyễn Đình Thi* | Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003), sinh tại Luông Pha Bang (Lào), nguyên quán: [Làng Vũ Thạch](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=L%C3%A0ng_V%C5%A9_Th%E1%BA%A1ch&action=edit&redlink=1) (nay là phố Bà Triệu, phường [Tràng Tiền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A0ng_Ti%E1%BB%81n_%28ph%C6%B0%E1%BB%9Dng%29), quận [Hoàn Kiếm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0n_Ki%E1%BA%BFm), [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)). Ông viết sách khảo luận triết học, viết văn, làm thơ, soạn nhạc, soạn kịch, viết lý luận phê bình. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông làm Tổng thư ký Hội Văn hóa Cứu quốc, Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật. Ông để lại nhiều tác phẩm thơ, tiểu thuyết, âm nhạc, kịch, lý luận phê bình xuất sắc. Năm 1996, ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về Văn học nghệ thuật. |
| 36 | *Kim Lân* | Kim Lân (1920 - 2007), quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn (nay là khu phố Phù Lưu, phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Ông bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Sau Cách mạng tháng Tám, Kim Lân tiếp tục làm báo, viết văn. Ông chuyên về truyện ngắn và viết về làng quê Việt Nam. Những tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng*(tập truyện ngắn, 1955),*Con chó xấu xí*(tập truyện ngắn, 1962). Nǎm 2001, Kim Lân được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. |
| 37 | *Huy Du* | Huy Du (1926 - 2007), tên thật là Nguyễn Huy Du, bí danh Huy Cầm, quê ở xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ông từng là Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam (khoá III), Đại biểu Quốc hội (khoá VII, VIII), Phó Chủ nhiệm Uỷ ban Văn hoá - Giáo dục Quốc hội (khoá VIII), Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Trung. Ông nổi tiếng với các ca khúc nhạc cách mạng như như *Đường chúng ta đi, Việt Nam ơi mùa xuân* đến rồi,...và tác phẩm khí nhạc *Miền Nam quê hương ta ơi*. |

**8. Danh nhân tỉnh Bắc Giang thời kỳ cổ, trung, cận đại (số lượng: 14)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Lê Lý* | Lê Lý (? - ?), theo “Đại Việt thông sử” thì Lê Lý là người ở thôn Dao Xá thuộc huyện Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lê Lý nguyên họ Nguyễn (Nguyễn Lý) được Lê Lợi ban cho quốc tính, theo vua khởi nghĩa binh làm thứ thử vệ kỵ binh trong quân thiết đột. Năm 1426, vua Lê Lợi tiến quân ra vây Đông Đô, sai ông cùng với Lê Sát lên phía Bắc đánh thành Xương Giang. Tháng Giêng năm 1427, vua gọi ông về dùng quân bản hộ đóng giữ đồn cửa Nam thành Đông Đô. Đến tháng 8, vua lại sai ông theo Trần Nguyên Hãn lên đánh thành Xương Giang. Đến tháng 9 thì phá được thành. Vua lại sai ông cùng Lê Văn An đem 3 vạn quân vây đánh địch ở Cần Trạm, Phố Cát, Xương Giang bắt sống Thôi Tụ, Hoàng Phúc nhà Minh cùng 3 vạn quân địch làm nên chiến thắng Xương Giang. Năm 1429, ông được phong chức nhập nội tư mã tham dự triều chính, suy trung tán trị hiệp mưu công thần, hương thượng hầu. Năm 1430, thăng nhập nội kiểm hiệu tư không. Năm 1484, được truy tặng thái bảo phúc quốc công. |
| **Thành phố Bắc Giang** |
| 2 | *Lều Văn Minh (Lều Tướng công)* | Lều Văn Minh (Lều Tướng công)(thế kỷ XI), theo nội dung bia mộ ở thôn Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang cho biết: Lều tướng công tên là Minh, con ông Lều Trân và Hoàng Thị ở thôn Cao Xá, huyện Thiên Phúc, Nghệ An. Do trong vùng có loạn giặc, gia đình ông phải đi lánh nạn. Đến bến sông Thương, thuộc trang Thọ Xương gặp nạn, được người trong trang là Nguyễn Công Quyền cứu vớt đem về nuôi. Niên hiệu Càn Phù (1039 - 1041), quân Chiêm Thành vào xâm lấn đất Đại Việt, Lều Văn Minh thấy vậy xin đi dẹp giặc. Ông đã kết tập nhân dân hợp thành đội quân cảm tử, chiếm đánh quân giặc Chiêm Thành. Vua rất cảm phục, phong chức Đại tướng quân. Tướng quân đánh trận nào thắng trận đó, được vua phong làm Đô Thống đại tướng quân. Mấy tháng sau quân Chiêm Thành vào trang Thọ Xương đánh úp Lều tướng công. Lều tướng công bị thương và thác tại đó. Tưởng nhớ công ơn, hai làng Kính Nhượng, Hòa Yên cùng lập đền thờ ông ở thôn Hòa Yên, xã Thọ Xương. Các triều đều phong sắc: Đương Cảnh thành hoàng Đại tướng quân, Thượng đẳng phúc thần đại vương. Đến đời nhà Trần lại phong: Nam Bình Giang đô thống đại tướng quân, Thượng đẳng tối linh, Phúc thần đại vương. |
| **Huyện Hiệp Hòa** |
| 3 | *Ngô Công Mỹ* | Ngô Công Mỹ (thế kỷ XVII), người thôn Thái Thọ (tên Nôm là làng Cả), nay thuộc xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa. Năm Ất Mùi, niên hiệu Thịnh Đức thứ 3 (1655), ông làm quan trong phủ chúa Trịnh, giữ chức Chánh vương phủ, Phó vương phủ lưỡng triều, TrưởngThái giám, Tổng quản Kinh Bắc, Hiệp Hoà, Thái Nguyên, kiêm Tri nội Thư, Tả vệ môn Đĩnh Quận Công. Ngô Công Mỹ sau được ban chức: Đô đốc đồng tri Đĩnh Quận Công. Ông có nhiều công lao dẹp loạn, hai lần được đi sứ phương Bắc, được triều đình tặng thưởng nhiều tiền, ruộng. Ông đã đem bổng lộc ấy cấp cho địa phương. Dân địa phương ghi nhớ công lao đã lập am Hiển Khánh (lăng Chúa Đôi) để thờ ông. Hiện nay, lăng chúa Đôi, xã Thái Sơn đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh. |
| 4 | *La Đoan Trực* | La Đoan Trực (1688 - 1749), người làng Cẩm Xuyên, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa. Ông làm quan đến chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thị Bắc cung, Thị hầu, tước Yến trung hầu.La Đoan Trực là người lấy ân nghĩa làm trọng, cần mẫn trong việc làm được người đương thời kính trọng. Khi về hưu, ông đã bỏ tiền xây dựng một khu sinh từ ở Đức Thắng (thường gọi là lăng Dinh Hương). Ông được phong tặng: Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Đô đố phủ đô đốc, Thuần quận công, gia phong: Phúc thần trung đẳng đại vương. Di tích lăng Dinh Hương được xếp hạng di tích quốc gia năm 1965. |
| 5 | *Ngọ Công Quế* | Ngọ Công Quế (thế kỷ XVII - XVIII), người xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa. Dưới triều Lê Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 18 (1697), ông đã được vua phong tặng: Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, giữ chức Phó Tả thị nội thư, Tả binh phiên, Tư lễ giám, Đô Thái giám và được phong tước Lộc hầu. Năm Quý Tỵ 1713, ông làm quan trấn thủ xứ Thái Nguyên, đồng thời giữ chức Tư lễ giám, Bắc quân đô đốc phủ, được huân phong: Đặc tiến phụ quốc, Thượng tướng quân, Tả đô đốc, tước Phương Quận công. Do có nhiều công lao trong việc dẹp loạn, an dân nên ông được triều đình ban thưởng rất hậu. Khi ấy, ông đem bổng lộc đó về quê tu bổ, xây dựng những công trình phúc lợi, tôn giáo, tín ngưỡng ở địa phương. Vì thế nhân dân trong vùng Quế Trạo hết lòng sùng kính và tôn ông làm Hậu Thần phối thờ cùng Thành hoàng ở đình làng. Lăng họ Ngọ-một di tích kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu huyện Hiệp Hòa đã được xếp hạng di tích quốc gia năm 1964. |
| 6 | *Nguyễn Hạnh Thông* | Nguyễn Hạnh Thông (thế kỷ XVIII), người làng Vân Cẩm, nay thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa. Ông làm quan dưới triều vua Lê - chúa Trịnh (những năm 1720 đến 1771), với các chức: Thị hầu thị kỵ, Thị nội thư, Tả công phiên, Thị cận, Thị nội giám, Tổng thái giám, Đặc tiến thượng tướng quân, Đề đốc phủ, Đô hiệu điểm, Tư tả Lan trung hầu. Ông luôn hết lòng tận tụy, kiên trung lại có công lao về võ biền nên về sau được thăng phẩm ở hàng Chánh nhất phẩm, thụ hàm: Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Thái truyền thượng trụ quốc. Khi mất có tên thụy Trung Trực, được an táng tại lăng Vân Cẩm- di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2010. |
| 7 | *Nguyễn Đình Chính* | Nguyễn Đình Chính (thế kỷ XVIII), người làng Nguyễn Xá, nay thuộc xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa. Năm Chính Hòa thứ 7 (1686), ông làm quan đến chức Thị nội giám, Tư lễ giám, Tổng thái giám, được ban tước Dật Hải hầu. Năm Chính Hòa thứ 16 (1695), ông được huân phong: Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, giữ chức Tri binh phiên, Tư lễ giám, Đô thái giám Dật Hải hầu trụ quốc thượng liên. Năm Chính Hòa thứ 26 (1705), được huân phong: Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, chức Đề đốc thần vũ tứ vệ quân vụ sự, Dật Hải hầu trụ quốc thượng liên. Sau được phong tước Dật quận công. Được ban thưởng tiền ruộng, ông đem của cải giúp đỡ nhân dân và công đức cho việc xây dựng đình. Vì có nhiều công lao với quê hương, dân thôn đã tôn bầu ông làm Thành hoàng làng.  |
| **Huyện Lạng Giang** |
| 8 | *Thiều Dương công chúa* | Thiều Dương công chúa (thế kỷ XV), còn có tên gọi Ngọc Khanh công chúa, là con thứ 8 của vua Lê Thánh Tông sinh vào ngày 9 tháng 4 năm Kỷ Mùi (1439). Nàng đã có công giúp vua cha đánh giặc Chiêm Thành. Theo gia phả, ngọc phả, các nguồn tư liệu chính sử của nhà nước phong kiến, những sắc chỉ, lệnh chỉ triều Lê hiện còn lưu giữ ở Xuân Hương, Lạng Giang đã ghi chép Công chúa Thiều Dương là nhân vật lịch sử có thật: Bà chính là Lê Thị Ngọc Khanh, vợ Phạm Đức Hóa - Đô úy, con trai tướng quân Phạm Văn Liêu (Lê Văn Liêu) -một vị khai quốc công thần của triều Lê. Công chúa Lê Thị Ngọc Khanh là người có công lớn với dân với nước mà cuộc đời bà đã gắn bó sâu sắc, ân sâu nghĩa nặng với nhân dân Hoàng Mai, Xuân Hương. Bà được nhân dân trong vùng tôn thờ, được nhà nước các triều đại Lê-Nguyễn ghi chép vào sự tích, ban sắc phong làm Thần, Thành Hoàng làng để nhân dân thờ phụng.  |
| **Huyện Lục Nam** |
| 9 | *Pháp Vân* | Pháp Vân (? - ?), tên một vị cao tăng thời Trần, trụ trì tại chùa Hòn Tháp (ngôi chùa nằm trong hệ thống chùa Tây Yên Tử), xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam. Tương truyền trước đây Pháp Vân trụ trì chùa Hàn Than, trên núi Phượng Hoàng (thuộc Chí Linh, Hải Dương); sau khi giao lại công việc trụ trì chùa Hàn Than cho đệ tử của mình, ông đã về vùng Cẩm Lý, Lục Nam cùng thiền sư Vô Kỷ tu hành tại chùa Hòn Tháp. Hiện nay, tại khu vực chùa Hòn Tháp còn lưu giữ bài vị khắc ghi về ông: “Huyền Cơ Thiện thọ Pháp Vân Hòa thượng”.  |
| **Huyện Tân Yên** |
| 10 | *Giáp Trinh Tường* | Giáp Trinh Tường (thế kỷ XVIII), theo Địa chí Bắc Giang từ điển, Giáp Trinh Tường còn được gọi Giáp Sùng, thụy Trinh Tường. Ông thuộc dòng họ Giáp, đời thứ 11 ở Bảo Lộc Sơn, nay thuộc làng Um, xã Việt Lập, huyện Tân Yên. Bia đình Ngò (năm 1774) ghi: Giáp Trinh Tường còn gọi Nguyễn Giáp Sùng, tước Sùng thọ hầu, tổng Thái giám, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thần vũ tứ vệ quân vụ sự, Tham đốc bắc quân, Thái bảo chí sĩ. Cũng ở bia trên ghi rõ, ông đem hết sức mình ra làm việc trung trọn đời, lấy điều hiền thảo dạy quân, lấy điều khoan đối với dân, khắp trong thiên hạ ai cũng nghe thấy, bia miệng truyền đến muôn đời. Ông đã biết lấy điều khiêm nhường kính cẩn để răn mình, giàu không xa xỉ, sang không kiêu ngạo. Hiện nay, tại chùa Thú và đình Ngò đều tôn thờ ông làm Hậu Thần. Hai di tích đình Ngò, chùa Thú xã Việt Lập, huyện Tân Yên đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh. |
| 11 | *Giáp Đăng Luân* | Giáp Đăng Luân (1675 - 1737), vị quan thời Lê Trung Hưng, từng giữ chức Tham đốc thượng trụ quốc, Lập Quận công, trông nom hộ khẩu, hộ tịch, thuế má, đê điều. Những năm 1725- 1727, ông giữ chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Lập Nghĩa hầu. Khi mất được phong tặng: Tiền đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Tham đốc thượng trụ quốc, tước Lập Quận Công, Giáp tướng công. Ông được dân suy tôn làm Hậu Thần ở đình Đông La, xã Chuế Dương (nay là xã Quế Nham, huyện Tân Yên). Hiện nay, lăng Giáp Đăng Luân (Phục Chân đường) đã được xếp hạng di tích quốc gia. |
| **Huyện Việt Yên** |
| 12 | *Ngô Đạt Dụng* | Ngô Đạt Dụng (thế kỷ XVII), theo Địa chí Bắc Giang từ điển, Ngô Đạt Dụng là người thôn Mi Điền, nay thuộc xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên. Ngô Đạt Dụng làm quan triều Lê, giữ chức Tri thị nội thư tả, Tư lễ giám, Tổng Thái giám, Đề đốc, Nhượng quận công, Dũng quận công, từng trấn thủ hai xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa. Sau khi bước vào chốn quan trường, Ngô Đạt Dụng đã đi đánh dẹp phản loạn ở miền Hưng Hóa (Hà Giang ngày nay). Khi tình hình đất nước tạm ổn định, ông lại được chúa Trịnh mời về phủ chúa làm chức quan Tri thị Nội thư, Tả hộ phiên, Tư lễ giám, Tổng Thái giám, Đề đốc và được phong tước Quận công vào năm 1681. Hiện nay, tại Mi Điền còn bảo lưu khu lăng mộ Quận công Ngô Đạt Dụng-di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2017. |
| 13 | *Nguyễn Thế Nho* | Nguyễn Thế Nho (1648 - 1709), người làng Quang Biểu, nay là xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Ông vốn là người có tính tình khoan hòa, tự tin, chuyên tâm văn võ. Triều đình trọng dụng, cho ông làm chức quan coi việc trong cung, chức Tri thị nội thư tả, Lại phiên, Tri công tượng, Tiền tượng kỳ, Phó cai quan, Thị nội giám, Tư lễ giám, Tổng thái giám, Thự vệ sự. Tước Quán quận công. Ông làm quan đến hàm đến chánh tam phẩm nhưng luôn giữ khí chất thanh liêm, mẫu mực. Sau khi mất, nhân dân đã tôn ông làm “Hậu Thánh” và “Hậu Thần” để thờ phụng. Mộ ông đặt tại từ chỉ Quán quận công Nguyễn Thế Nho - di tích kiến trúc nghệ thuật xếp hạng cấp quốc gia năm 1995.  |
| 14  | *Cả Huỳnh* | Cả Huỳnh (1876 - ?), người làng My Điền, huyện Việt Yên. Ông vốn họ Lê sau đổi thành họ Thân (Thân Văn Huỳnh), là con trai Chánh Tả ở làng My Điền. Cả Huỳnh là người cương nghị, mạnh mẽ, can đảm và mưu trí. Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo từ rất sớm và là một trong các thủ lĩnh của nghĩa quân Yên Thế. Trong hồi ký của mình, Bútsê đã từng viết: “Cả Dinh, Cả Huỳnh tận tâm với Đề Thám cả phần hồn lẫn phần xác”. Cả Huỳnh đã sát cánh cùng Đề Thám và các tướng lĩnh nghĩa quân Yên Thế tham gia nhiều trận chiến đấu chống thực dân pháp và bè lũ tay sai giành thắng lợi như: Trận Trại Trẽ-Đồng Đảng; trận Mỏ Thổ, trận Hàm Lợn…Trong trận đánh ở Hàm Lợn, Phúc Yên ông đã anh dũng hy sinh. |

**9. Danh nhân Bắc Giang thời hiện đại (số lượng: 10)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Ngô Thế Sơn* | Ngô Thế Sơn (1919 - 1994),quê ở xã Tây Tiến, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ông tham gia cách mạng năm 1937, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1939, phụ trách xây dựng phong trào quần chúng ở khu Nam Tiền Hải. Cuối năm 1940, ông được cử đi học lớp quân sự do Trung ương mở ở Hiệp Hòa, sau đó phụ trách tự vệ tỉnh Thái Bình. Giữa năm 1941, ông được cử ra biên giới Việt Trung học khóa chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp huấn luyện tại Pác Bó (Cao Bằng). Năm 1942, ông là Xứ ủy viên Bắc Kỳ, phụ trách liên tỉnh D (Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên), Bí thư Ban cán sự tỉnh Bắc Giang. Năm 1944, ông là Ủy viên Ủy ban Quân chính Trung ương. Sau cách mạng tháng Tám, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Phúc Yên. Cuối năm 1945, ông là chỉ huy trưởng lực lượng bộ đội thống nhất ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Từ tháng 2/1946 – 7/1954, ông là Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam tại Lào. Từ tháng 7/1954 – 12/1958, ông công tác tại các cơ quan thuộc Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục hậu cần. Từ tháng 1/1959 – 12/1965, ông làm Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giáo dục. Từ năm 1966 – 1980, ông làm Ủy viên Ban công tác Miền Tây (CP 38) và Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam tại Nam Lào. Ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, được Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tặng thưởng ba Huân chương Tự do hạng Nhất, hai Huân chương Anh dũng. |
| 2 | *Nguyễn Trọng Tỉnh* | Nguyễn Trọng Tỉnh (1918 - 1991), nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bắc Giang. Quê xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh. Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1937 trong tổ chức Thanh niên phản đế tại địa phương. Tháng 6/1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1941 đến năm 1944, ông là Trưởng ban ATK I, rồi Trưởng ban ATK II, kiêm Trưởng ban cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang. Tháng 8/1945-5/1946, ông là Bí thư Tỉnh ủy Bắc Giang. Sau đó ông lần lượt giữ các chức vụ: Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (1946-1947); Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang (1948); Trưởng phòng dân quân Liên Khu X (1949); Cục phó Cục liên lạc (19501952), Cục phó Cục dân quân (19531954), Cục phó Cục quản lý kiêm Trưởng phòng chính trị, Uỷ viên thường vụ Đảng bộ Bộ Tổng tham mưu, Vụ trưởng Vụ xuất nhập khẩu Bộ Ngoại thương (1957-1958), Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (1959-1979), Phó Chủ tịch trọng tài kinh tế nhà nước. Ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, 02 Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chiến chiến thắng hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất. |
| **Thành phố Bắc Giang** |
| 3 | *Hoàng Quốc Thịnh* | Hoàng Quốc Thịnh (1911 - 2009), tên khai sinh là Hoàng Văn Đang, bí danh Hoàng Hà Châu. Quê quán xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh [Nam Định](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh). Ông tham gia cách mạng từ năm 1936, đến năm 1939 bị thực dân Pháp bắt, kết án 3 năm tù. Năm 1942, ông được điều lên Thái Nguyên hoạt động, sau đó tham gia Ban cán sự tỉnh Bắc Giang, phụ trách khu vực thị xã phủ Lạng Thương, một phần phủ Lạng Giang và huyện Lục Ngạn. Tháng 6-1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Lục Ngạn cùng với các đồng chí [Hà Thị Quế](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Th%E1%BB%8B_Qu%E1%BA%BF), Hoàng Bạch, Ngô Ngọc Dương. Từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, ông làm Trưởng ty Liêm phóng. Đầu năm 1947, ông làm Chủ tịch phân khu Lục Ngạn-Sơn Động rồi Bí thư Tỉnh ủy Bắc Giang, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Bắc Giang. Từ năm 1951 đến năm 1977 ông giữ các chức vụ: Giám đốc Sở Mậu dịch thuộc Bộ Công thương; Thứ trưởng Bộ Nội thương; Quyền Bộ trưởng Bộ Nội thương (1967 - 1977). Sau đó ông chuyển sang công tác Đảng, giữ chức Trưởng ban Tài chính Quản trị Trung ương. Ông là đại biểu Quốc hội các khóa II, III, IV, V; được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huy hiệu Hồ Chí Minh, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.  |
| 4 | *Trịnh Như Tấu* | Trịnh Như Tấu (1915 - 1947), bút danh là Nhật Nham. Ông sinh ở làng Thương, tổng Thọ Xương, phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang). Sau khi đỗ Tú tài toàn phần, ông không học tiếp mà ra dự tuyển, được nhận làm Tham tá toà sứ Bắc Giang, rồi lần lượt làm công việc ở toà sứ Hà Nam, Lào Cai, Hưng Yên... Thời kỳ 1941-1945, ông làm nhân viên ở phòng kiểm duyệt báo chí phủ thống sứ Hà Nội. Ông từng là Đại biểu Quốc hội khoá 1. Năm 1947, khi ông đang được chính quyền cách mạng đưa lên chiến khu Việt Bắc thì bị trúng đạn của giặc Pháp rồi mất tại khu vực xã Tam Tiến, huyện Yên Thế ngày nay. Với sự am hiểu sâu sắc về cả hai nền văn hoá Đông – Tây, ông đã trở thành nhà văn, nhà báo, nhà nghiên cứu lịch sử văn hoá. Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Vị tiền (1933); Phả Trịnh gia Chính phả (1933); Hưng Yên địa chí (1934), Gương luân lý (1934); Phật giáo với thuyết luân hồi (1935); . Hoa xưa ong cũ (1936); Bắc Giang địa chí (1937)*. Tác phẩm báo chí của ông còn lại được sưu tập qua Tạp chí Tri Tân có tới hơn 300 bài viết ở các thể loại: ký sự, tuỳ bút, thời đàm, khảo cứu...  |
| 5 | *Tạ Thúc Bình* | Tạ Thúc Bình (1917 - 1998), sinh tại Phủ Lạng Thương (nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang). Thời sinh viên, ông tham gia tích cực phong trào sinh viên mỹ thuật cứu quốc trong trường. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, ông hăng hái tham gia vẽ áp phích, tranh tuyên truyền cổ động cho phong trào Việt Minh Cứu quốc tại Bắc Giang. Tại Triển lãm hội họa năm 1951 - một cuộc triển lãm lớn nhất trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông dành giải Nhất cho hai tác phẩm: Bộ tứ bình “Đóng thuế nông nghiệp” và tác phẩm “Chống giặc đồn làng”. Sau này khi về công tác tại Hội Văn nghệ Trung ương (từ 1952 đến 1954), Tạ Thúc Bình vẫn giữ được sự năng nổ, hăng say trong công việc. Năm 1954, ông là một trong những người đầu tiên tham gia thành lập lại trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (nay là trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội). Năm 2001, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I.  |
| 6 | *Đào Tùng* | Đào Tùng (1925 - 1990), tên thật là Đỗ Trung Thành, quê quán tại thị xã Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang (nay là thành phố Bắc Giang). Ông sớm tham gia hoạt động cách mạng và được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam tháng 5/1947. Năm 20 tuổi ông bắt đầu làm phóng viên báo Chi Lăng khu 12, sau là cán bộ Sở Thông tin khu 12, Trưởng Ty Thông tin Bắc Ninh, Quyền Giám đốc Sở Thông tin Liên khu I, Chánh văn phòng Nha thông tin Việt Nam. Từ tháng 5/1956, ông là Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam. Ông nguyên là Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, đại biểu Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Quốc hội khóa VIII; Tổng Giám đốc, Tổng Biên tập Thông tấn xã Việt Nam; nguyên Phó Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam; Nguyên Phó Chủ tịch Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ). Ông vinh dự được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì và nhiều giải thưởng báo chí trong nước và quốc tế. Ông là người đã có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của sự nghiệp thông tin, báo chí cách mạng, cống hiến thiết thực, hiệu quả đối với sự nghiệp thông tấn của đất nước. |
| **Huyện Lục Nam** |
| 7 | *Lư Giang* | Lư Giang (1920 - 1994), tên thật là Lê Bá Ước. Quê xã Vô Tranh, huyện Lục Nam. Ông là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1945. Tháng 7/1945, ông chỉ đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở Lục Ngạn và thị xã Phủ Lạng Thương. Tháng 12/1945, ông là Đại đội trưởng Đại đội Nam tiến Bắc - Bắc. Năm 1946 - 1952, ông là Tiểu đoàn trưởng rồi Trung đoàn trưởng Trung đoàn Chủ lực Liên khu 5. Tháng 12/1953, ông là phái viên Bộ tổng tham mưu ở Liên khu 5. Tháng 7/1954, ônh chỉ huy lực lượng tiếp quản Quy Nhơn. Tháng 12/1954- 6/1965, ông là Phó Tham mưu trưởng rồi Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh pháo binh. Tháng 9/1968, ông là Sư đoàn trưởng sư đoàn 3. Năm 1970 - 1973, ông là Phó Tư lệnh rồi tư lệnh mặt trận Quảng Đà, Quân khu 5, Trưởng đoàn Đại biểu quân giải phóng miền Nam Việt Nam, Trưởng đoàn quân sự của chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban liên hợp quân sự hai bên ở Plâycu. Tháng 12/1979, ông là Phó Tư lệnh quân khu Thủ Đô. Ông là Đại biểu Quốc hội khóa VII, VIII, được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất, Huân chương Quân công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì), Huân chương Chiến công (1 hạng nhất, 1 hạng nhì), Huân chương Chiến thắng hạng nhất. Ông mang hàm Thiếu tướng năm [1974](https://vi.wikipedia.org/wiki/1974), Trung tướng năm [1984](https://vi.wikipedia.org/wiki/1984) và nghỉ hưu năm [1989](https://vi.wikipedia.org/wiki/1989).  |
| **Huyện Tân Yên** |
| 8 | *Trần Lương* | Trần Lương (1930 - 1966), quê thôn Quân, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên. Ông nhập ngũ tháng 8/1949 đến tháng 2/1958, ông được xuất ngũ về địa phương. Tháng 4/1965, ông tái ngũ vào Nam chiến đấu. Với chức vụ chính trị viên Đại đội 7 (Tiểu đoàn 22, Trung đoàn 21, Sư 2), trong trận chiến đấu tháng 3 năm 1966, ông được giao nhiệm vụ chỉ huy đại đội mũi nhọn tấn công tiêu diệt sở chỉ huy tiểu đoàn lính thuỷ đánh bộ Mỹ trên cao điểm 62 thuộc địa bàn huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi tiêu diệt xong sở chỉ huy của địch, ông được lệnh ở lại giữ vững cao điểm đánh quân đổ bộ tái chiếm cao điểm đó. Dù bị thương lần thứ 2, ông vẫn không chịu rút về phía sau, một mình với 3 cây súng cầm cự với địch đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ cho đồng đội rút lui an toàn. Trước khi hy sinh, ông đã phá huỷ vũ khí và dùng quả lựu đạn cuối cùng để tiêu diệt địch. Ông hy sinh ngày 05/3/1966 và được Nhà nước truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 30/8/1995. |
| 9 | *Lê Quang Trung* | Lê Quang Trung (1934 - 1970), quê ở thôn Phú Cường, xã việt Ngọc, huyện Tân Yên. Ông nhập ngũ tháng 5/1949. Với tinh thần chiến đấu dũng cảm ông đã được tặng thưởng 8 huân chương các loại, 11 bằng khen, 21 giấy khen, 11 năm là chiến sỹ thi đua và chiến sỹ quyết thắng. Trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước ông đánh nhiều trận không chiến với không quân Mỹ, bắn rơi 5 máy bay các loại. Trong trận chiến đấu ngày 6/4/1970, tại bầu trời Yên Bái ông đã hi sinh, lúc này ông là thiếu tá, quyền Trung đoàn trưởng thuộc Bộ Tư lệnh Phòng không, Không quân. Ông được nhà nước truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 20/12/1994. |
| 10 | *Cao Kỳ Vân* | Cao Kỳ Vân (1925 - 1950), quê huyện Bình Lục, Hà Nam. Khoảng năm 1940, gia đình bà đã lên sinh sống ở xóm Chợ, Làng Giã (nay thuộc thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên). Sau toàn quốc kháng chiến, bà tham gia hoạt động cách mạng và được tuyển chọn vào đơn vị Phản gián Ty Công an Bắc Giang. Đội điệp báo của bà được đưa vào hoạt động trong vùng địch tạm chiếm *(khu vực bốt Mỏ Thổ, xã Minh Đức, huyện Việt Yên)*, có nhiệm vụ nắm tình hình địch, diệt tề, trừ gian ở địa phương. Cuối tháng 4/1950, bà được giao nhiệm vụ vào bốt Mỏ Thổ để đánh địch. Ngày 1/5/1950, bà đã lọt được vào bốt với 2 quả lựu đạn và gây cho địch một số thương vong nhưng bị địch bắt và tra tấn dã man. Bà đã anh dũng hy sinh ngày 1/5/1950 khi mới 25 tuổi. Ngày 22/7/1998, bà được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp. |

**10. Tên Danh thần nổi tiếng (08)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên gọi** | **Tiểu sử, công trạng** |
| 1 | *Hùng Linh Công* | Theo thần tích lưu tại đền Y Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa cho biết: Hùng Linh Công vốn là con cầu tự của ông bà Hùng Nhạc. Năm 17 tuổi, Hùng Linh Công đã là một chàng trai khôi ngô tuấn tú, sức khỏe phi thường, văn võ song toàn được nhà vua giao giữ chức Bồ Thống. Vua phong cho Linh Công làm Thống quốc quân giám tả phụ, trông coi xứ Kinh Bắc. Khi giặc Ân sang xâm lược nước ta, vua Hùng sai Linh Công lĩnh ba vạn binh mã đi tiên phong cự chiến. Khi Phù Đổng Thiên Vương tiến đến Vũ Ninh Sơn, Hùng Linh Công liền xuất binh ứng tiếp phía sau. Các đạo binh đánh một trận lớn. Giặc Ân tan tác bỏ chạy. Khi giặc tan, Hùng Linh Công lại lui quân về xã Hiệp Hòa thì dừng binh. Đúng vào ngày mồng 8 tháng 8, Hùng Linh Công cưỡi hổ đen, tay cầm thanh kim đao từ từ bay lên đến đỉnh núi và biến mất. Nhân dân trong vùng lập đền thờ cúng. Vua phong cho mỹ tự: Y Sơn linh tích đại vương, sai trăm quan đem sắc chỉ, mũ áo đến nơi làm lễ và truyền cho dân chúng được phép phụng thờ. Hiện nay, đền Y Sơn đã được xếp hạng di tích quốc gia. |
| 2 | *Thạch Linh thần tướng*  | Thạch Linh hiệu là Chuyển Hùng Thạch Tướng Đại Vương sinh tại Ao Miếu thuộc thôn Lát Hạ, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Thạch Linh Thần tướng đã có công giúp Hùng Vương đánh giặc Man, mang lại bình yên cho đất nước.  |
| 3 | *Tam Giang* | Căn cứ thần tích về Đức Thánh Tam Giang lưu truyền tại một số di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cho biết: Anh em Thánh Tam Giang họ Trương tên húy là Hống, Hát, Lừng, Lẫy và Đạm Nương. Thân mẫu là người làng Vân Mẫu, xã Vân Mẫu, là con gái họ Phùng, tên hiệu là Từ Nhan. Thánh Tam Giang đã lập nhiều chiến công giúp Triệu Quang Phục đánh thắng giặc Lương (thế kỷ thứ VI). Công lao của các ông đã được sử thần xưa biên ghi trong quốc sử, trong ngọc phả, thần tích, sắc cho nhân dân thờ phụng. Hiện có hơn 300 làng dọc theo Sông Cầu từ "Thượng Đu Đuổm, chí hạ Lục Đầu Giang" tôn các ông làm Thần, Thành Hoàng làng, lập đền, đình thờ phụng. |
| 4 | *Bà Cả Đỏ* | Bà Cả Đỏ quê ở làng Cảnh Thụy (nay thuộc xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng). Tục truyền rằng, Bà Cả Đỏ thường tiếp tế gạo cho quân lính nhà Trần, từ căn cứ Kiếp Bạc về đóng tại làng Ổ Cá, làng Cảnh Thụy… Vì thế hiện nay tại các địa phương quanh vùng vẫn còn các dấu tích địa danh liên quan đến bà Cả Đỏ như: Ao Gạo là nơi xưa kia quyên thóc gạo, khu Vườn Voi xưa là bãi để luyện voi và cũng là nơi voi nghỉ sau khi vận tải lương thực… Vì có nhiều công lao với dân nên sau khi bà Cả Đỏ mất, người dân lập đền thờ bà ở làng Cảnh Thụy gọi là “đền bà Cả Đỏ” hay “đền vua Bà”.  |
| 5 | *Bảo Nương* | Là con gái vua Trần Thái Tông, sinh ngày mồng 8 tháng Giêng năm Nhâm Dần. Là công chúa nhưng từ nhỏ Bảo Nương và em gái Ngọc Nương đã chuộng võ nghệ, thích rèn tập cung kiếm.Năm 1284, giặc Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Hai chị em cùng xin được theo quân đánh giặc. Trước thế giặc quá mạnh, hai bà xin được dùng mỹ nhân kế để lừa giết tướng giặc bằng cách giả làm thôn nữ, dùng thuyền mời giặc uống rượu. Thừa lúc chúng say, hai bà rút nút dưới đáy thuyền đã đục trước đó. Nước tràn vào, cả hai chị em đều chết cùng tướng giặc. Quân ta từ bên kia sông lao thuyền sang tập kích, quân địch bị bất ngờ nên vỡ trận mà thất kinh tháo chạy.Sau khi hai bà mất, dân làng Đa Mai (nay thuộc thành phố Bắc Giang) đã lập đền Đa Mai thờ hai bà ngay bên sông Thương. |
| 6 | *Ngọc Nương* | Là con gái vua Trần Thái Tông, sinh ngày mồng 8 tháng Giêng năm Nhâm Dần. Là công chúa nhưng từ nhỏ Ngọc Nương và chị gái Bảo Nương đã chuộng võ nghệ, thích rèn tập cung kiếm.Năm 1284, giặc Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Hai chị em cùng xin được theo quân đánh giặc. Trước thế giặc quá mạnh, hai bà xin được dùng mỹ nhân kế để lừa giết tướng giặc bằng cách giả làm thôn nữ, dùng thuyền mời giặc uống rượu. Thừa lúc chúng say, hai bà rút nút dưới đáy thuyền đã đục trước đó. Nước tràn vào, cả hai chị em đều chết cùng tướng giặc. Quân ta từ bên kia sông lao thuyền sang tập kích, quân địch bị bất ngờ nên vỡ trận mà thất kinh tháo chạy.Sau khi hai bà mất, dân làng Đa Mai (nay thuộc thành phố Bắc Giang) đã lập đền Đa Mai thờ hai bà ngay bên sông Thương. |
| 7 | *Tản Viên* | Tản Viên Sơn Thánh, còn gọi là Sơn Tinh, là một trong tứ bất tử của [tín ngưỡng dân gian](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_d%C3%A2n_gian) [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t), theo quan niệm dân gian là vị [thần](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n) cai quản [dãy núi Ba Vì](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C3%A3y_n%C3%BAi_Ba_V%C3%AC) (tức núi Tản Viên). Các sự tích, truyền thuyết về Đức thánh Tản, đặc biệt là truyền thuyết [Sơn Tinh - Thủy Tinh](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_Tinh_-_Th%E1%BB%A7y_Tinh), trở nên nổi tiếng hơn bao giờ hết trong [văn hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a_Vi%E1%BB%87t_Nam) [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t). Những truyền thuyết khiến ông trở thành bất tử, không chỉ trong tín ngưỡng mà trở thành một biểu tượng văn hóa. |
| 8 | *Liễu Hạnh* | Thánh Mẫu Liễu Hạnh là một trong những vị [Thánh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_%28%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng%29) quan trọng của [tín ngưỡng Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_Vi%E1%BB%87t_Nam). Bà còn được gọi bằng các tên: Bà Chúa Liễu, Liễu Hạnh, Mẫu Liễu Hạnh hoặc ở nhiều nơi thuộc vùng [Bắc Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_B%E1%BB%99_Vi%E1%BB%87t_Nam) bà được gọi ngắn gọn là [Mẫu Liễu](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ABu_Li%E1%BB%85u). Theo truyền thuyết trong dân gian Việt Nam, Mẫu Liễu Hạnh là một trong bốn vị thánh [Tứ bất tử](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_b%E1%BA%A5t_t%E1%BB%AD). Bà vốn là con gái thứ hai của [Ngọc Hoàng Thượng đế](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%8Dc_Ho%C3%A0ng_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_%C4%91%E1%BA%BF), 3 lần giáng trần. Bà đã được các triều đại phong kiến từ thời [nhà Hậu Lê](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA) đến thời [nhà Nguyễn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%E1%BB%85n) cấp nhiều Sắc, tôn phong là "Mẫu nghi thiên hạ - Mẹ của muôn dân","Chế Thắng Hoà Diệu đại Vương" và cuối cùng quy y cửa Phật theo lối bán tu rồi thành đạo là Mã Vàng Bồ Tát. Bà chính là vị [Thánh Mẫu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_M%E1%BA%ABu) đứng đầu hệ thống [Tam phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_ph%E1%BB%A7), [Tứ phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_ph%E1%BB%A7) thờ [đạo Mẫu](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_th%E1%BB%9D_M%E1%BA%ABu_Vi%E1%BB%87t_Nam). Nhiều làng xã và các [đô thị](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4_th%E1%BB%8B) ở phía bắc [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) đều có đền thờ bà. |